

Kinh Hoa Nghiêm

HOA NGHIÊM KINH Q 032.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần
Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huề dịch tiếng Việt 3/2013.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 9, No. 278 大方廣佛華嚴經,
CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.34,
Normalized Version.

Taisho Tripitaka Vol. 9, No. 278 Đại Phương Quảng
Phật Hoa Nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic
Tripitaka V1.34, Normalized Version.

大方廣佛華嚴經卷第三十二

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh quyển đệ
tam thập nhị.

**Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật quyển thứ
32.**

東晉天竺三藏佛馱跋陀羅譯

Đông Tấn Thiên Trúc Tam Tạng Phật Đà Bạt Đà La
dịch.

如來相海品第二十九

Như Lai tướng hải Phẩm đệ nhị thập cửu.

Phẩm thứ 29 Biến hình tướng của Như Lai.

爾時普賢菩薩摩訶薩告諸菩薩言：佛子！

Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát Ma ha tát cáo chư Bồ Tát
ngôn : Phật Tử !

Khi đó Phổ Hiền Bồ Tát Bồ Tát lớn bảo các Bồ Tát nói
rằng : Phật Tử !

諦聽諦聽善思念之。當為汝說如來相海。

Để thính để thính thiện tư niệm chi. Đương vị Nhữ
thuyết Như Lai tướng hải.

Lắng nghe nghe Tuệ tu Tuệ. Đương vì Ngài nói biến
hình tướng của Như Lai.

如來頂上有大人相。名曰明淨。

Như Lai đỉnh thượng hữu đại nhân tướng. Danh viết
Minh tịnh.

Trên đỉnh đầu của Như Lai có tướng của người vĩ đại.
Tên là Sáng sạch.

三十二寶以為莊嚴。普放無量大光明網。

Tam thập nhị bảo dĩ vi trang nghiêm. Phổ phóng vô
lượng đại Quang minh võng.

32 vật báu dùng để trang nghiêm. Đều phóng ra vô
lượng lưới Quang sáng lớn.

遍照一切十方世界。如來頂上有大人相。

Biển chiếu nhất thiết thập phương Thế giới. Như Lai đỉnh thượng hữu đại nhân tướng.

Chiếu sáng khắp tất cả Thế giới 10 phương. Trên đỉnh đầu của Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名曰普照佛方便海。圓滿雜寶以為莊嚴。

Danh viết Phổ chiếu Phật Phương tiện hải. Viên mãn tạp bảo dĩ vi trang nghiêm.

Tên là Biển Phương tiện của Phật chiếu sáng khắp.

Đầy đủ báu vật hỗn tạp dùng để trang nghiêm.

種種摩尼寶王莊嚴。金剛光明世界所起。

Chủng chủng Ma ni bảo vương trang nghiêm. Kim Cương Quang Minh Thế giới sở khởi.

Các loại ngọc Như ý quý nhất trang nghiêm. Phát ra ở Kim Cương Quang Minh Thế giới.

普照一切法界。如來頂上有大人相。名充滿法界雲。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới. Như Lai đỉnh thượng hữu đại nhân tướng. Danh Sung mãn Pháp giới vân.

Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp. Trên đỉnh đầu của Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây tràn đầy Cõi Pháp.

妙寶光明普照一切法界，一切世界，

Diệu bảo Quang minh phổ chiếu nhất thiết Pháp giới,
nhất thiết Thế giới,

Quang sáng quý vi diệu chiếu sáng khắp tất cả Cõi
Pháp, tất cả Thế giới,

如來功德智慧，十方世界海雲，菩薩功德海雲。

Như Lai công Đức Trí tuệ, thập phương Thế giới hải
vân, Bồ Tát công Đức hải vân.

Trí tuệ công Đức của Như Lai, mây biển Thế giới 10
phương, mây biển công Đức của Bồ Tát.

如來頂上有大人相。名曰普照。

Như Lai đỉnh thượng hữu đại nhân tướng. Danh viết
Phổ chiếu.

Trên đỉnh đầu của Như Lai có tướng của người vĩ đại.
Tên là Chiếu sáng khắp.

悉現不可思議諸佛世界。金剛摩尼妙寶光明。觀無
厭足。

Tất hiện bất khả tư nghị chư Phật Thế giới. Kim
Cương Ma ni diệu bảo Quang minh. Quan vô yếm túc.
Đều hiện ra các Thế giới Phật không thể nghĩ bàn.
Quang sáng quý đẹp Như ý Kim cương. Xem đủ
không chán.

如眾寶華聚奮迅。普照一切法界佛寶光明。

Như chúng bảo hoa tụ phấn tấn. Phổ chiếu nhất thiết
Pháp giới Phật bảo Quang minh.

Như nhanh chóng tích tụ các hoa quý. Quang sáng báu của Phật chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp.

如來頂上有大人相。名瑠璃寶。普照一切法界。

Như Lai đỉnh thượng hữu đại nhân tướng. Danh Lưu ly báu. Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới.

Trên đỉnh đầu của Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Lưu ly báu. Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp.

大自在雲。摩尼寶王相。種種莊嚴。

Đại Tự tại vân. Ma ni bảo vương tướng. Chúng chúng trang nghiêm.

Mây Tự do lớn. Hình ngọc Như ý quý nhất. Đủ các loại trang nghiêm.

普照一切十方世界。歎佛功德。因緣所起。

Phổ chiếu nhất thiết thập phương Thế giới. Thán Phật công Đức. Nhân duyên sở khởi.

Chiếu sáng khắp tất cả Thế giới 10 phương. Ca ngợi công Đức Phật. Phát ra do Nhân duyên.

悉放如來大寶光雲。普照菩薩於道場樹結跏趺坐。

Tất phóng Như Lai đại bảo quang vân. Phổ chiếu Bồ Tát ư Đạo tràng thụ Kết già phu tọa.

Đều phóng mây sáng quý lớn của Như Lai. Chiếu sáng khắp Bồ Tát ngồi xếp bằng Kết già dưới cây ở Đạo tràng.

普現菩薩自在神力。覺如來力。

Kinh Hoa Nghiêm

Phổ hiện Bồ Tát Tự tại Thần lực. Giác Như Lai lực.
Hiện ra khắp Thần lực Tự do của Bồ Tát. Hiểu lực của
Như Lai.

普照一切十方佛刹六種震動。

Phổ chiếu nhất thiết thập phương Phật sát lực chủng
chấn động.

Chiếu sáng khắp tất cả Nước Phật 10 phương 6 loại
chấn động.

於大法界虛空中普現無量自在一切智雲。

Ư đại Pháp giới hư không trung phổ hiện vô lượng Tự
tại Nhất thiết Trí vân.

Ở trong khoảng không Cõi Pháp lớn đều hiện ra vô
lượng mây Tất cả Trí tuệ Tự do.

如來頂上有大人相。名曰平等。

Như Lai đỉnh thượng hữu đại nhân tướng. Danh viết
Bình đẳng.

Trên đỉnh đầu của Như Lai có tướng của người vĩ đại.
Tên là Bình đẳng.

如來音聲燈雲離垢寶海。

Như Lai âm thanh đăng vân ly cấu bảo hải.

Mây đèn sáng âm thanh của Như Lai biển báu rời
bẩn.

放諸光明普照一切法界十方世界菩薩功德海。

Phóng chư Quang minh phổ chiếu nhất thiết Pháp giới, thập phương Thế giới Bồ Tát công Đức hải.

Phóng các Quang sáng chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp, biển công Đức của Bồ Tát ở Thế giới 10 phương.

安立三世佛智幢海。如來頂上有大人相。

An lập Tam thế Phật Trí tràng hải. Như Lai đỉnh thượng hữu đại nhân tướng.

Yên lập dựng biển cờ Trí tuệ Phật Ba Đồi. Trên đỉnh đầu của Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名佛光廣雲。伊那羅寶，如意王寶，
摩尼王寶以為莊嚴。

Danh Phật quang quảng vân. Y na la bảo, Như ý vương bảo, Ma ni vương bảo dĩ vi trang nghiêm.

Tên là Mây ánh quang rộng khắp của Phật. Vật báu Y na la, vật quý nhất Như ý, vật quý nhất Ma ni dùng để trang nghiêm.

普照一切世界法界菩薩光焰燈雲。

Phổ chiếu nhất thiết Thế giới Pháp giới Bồ Tát quang diệm đăng vân.

Chiếu sáng khắp mây đèn sáng ánh lửa Bồ Tát Cõi Pháp Thế giới 10 phương.

普照一切如來妙色音聲海及世界海，淨佛力海。

Phổ chiếu nhất thiết Như Lai diệu sắc âm thanh hải cập Thế giới hải, tịnh Phật lực hải.

Chiếu sáng khắp biển âm thanh sắc đẹp của tất cả Như Lai và biển Thế giới, biển lực Phật Thanh tịnh.

如來有大人相。名圓滿光明雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Viên mãn quang minh vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây quang sáng đầy đủ.

種種寶華莊嚴。瑠璃摩尼寶王光明。

Chủng chủng bảo hoa trang nghiêm. Lưu ly Ma ni bảo vương Quang minh.

Đủ các loại hoa báu trang nghiêm. Quang sáng ngọc quý nhất của ngọc Như ý lưu ly.

讚歎法身及諸菩薩。一切十方世界海中。

Tán thán Pháp thân cập chư Bồ Tát. Nhất thiết thập phương Thế giới hải trung.

Ca ngợi Thân Pháp và các Bồ Tát. Trong tất cả biển Thế giới 10 phương.

歎如來地。令一切眾生趣向如來諸力境界。

Thán Như Lai địa. Linh nhất thiết chúng sinh thú hướng Như Lai chư lực cảnh giới.

Ca ngợi Bạc Như Lai. Giúp cho tất cả chúng sinh thích hướng về cảnh giới các lực của Như Lai.

普現無量無邊如來淨地離垢清淨。放大光明。

Phổ hiện vô lượng vô biên Như Lai tịnh địa ly cấu Thanh tịnh. Phóng đại Quang minh.

Hiện ra khắp vô lượng vô biên nơi Thanh tịnh của Như Lai Thanh tịnh rời bản. Phóng Quang sáng lớn.

普照一切諸佛世界。如來有大人相。

Phổ chiếu nhất thiết chư Phật Thế giới. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Chiếu sáng khắp tất cả các Thế giới Phật. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名菩薩行藏光明雲。無量世界中如來。

Danh Bồ Tát hạnh tạng Quang minh vân. Vô lượng Thế giới trung Như Lai.

Tên là Mây Quang sáng tạng hạnh Bồ Tát. Như Lai ở trong vô lượng Thế giới.

放無量種種色寶光明。普照一切法界佛刹。

Phóng vô lượng chủng chủng sắc bảo Quang minh.

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới Phật sát.

Phóng vô lượng đủ các loại Quang sáng sắc quý.

Chiếu sáng khắp Nước Phật của tất cả Cõi Pháp.

出生無量如來妙音。皆悉分別演說如來甚深大法。

Xuất sinh vô lượng Như Lai diệu âm. Giai tất phân biệt diễn thuyết Như Lai thậm thâm đại Pháp.

Sinh ra âm thanh vi diệu của vô lượng Như Lai. Hết thấy đều phân biệt diễn thuyết Pháp lớn rất sâu của Như Lai.

如來有大人相。名普照雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ chiếu vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây chiếu sáng khắp.

瑠璃伊陀羅金剛寶，無量色清淨摩尼寶莊嚴。

Lưu ly Y đà la Kim cương bảo, vô lượng sắc Thanh tịnh Ma ni bảo trang nghiêm.

Kim cương báu lưu ly Y đà la, Như ý báu Thanh tịnh vô lượng sắc trang nghiêm.

放瑠璃色光明。皆悉遍照一切諸海。

Phóng lưu ly sắc Quang minh. Giai tất biến chiếu nhất thiết chư hải.

Phóng Quang sáng sắc lưu ly. Hết thấy đều chiếu sáng khắp tất cả các biển.

出佛無量微妙音聲。充滿一切十方世界。

Xuất Phật vô lượng vi diệu âm thanh. Sung mãn nhất thiết thập phương Thế giới.

Sinh ra vô lượng âm thanh vi diệu của Phật. Tràn khắp tất cả Thế giới 10 phương.

普現一切佛智慧海無量化身。如來有大人相。名曰覺雲。

Kinh Hoa Nghiêm

Phổ hiện nhất thiết Phật Trí tuệ hải vô lượng hóa thân. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh viết Giác vân.

Đều hiện ra vô lượng thân biến hóa biến Trí tuệ của tất cả Phật. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây giác ngộ

佛頂右面以雜寶華焰莊嚴。於一切世界莊嚴道場。

Phật đỉnh hữu diện dĩ tạp bảo hoa diệm trang nghiêm. Ư nhất thiết Thế giới trang nghiêm Đạo tràng.

Bên phải trên đỉnh đầu Phật hoa báu hỗn tạp ánh sáng trang nghiêm. Trang nghiêm Đạo tràng ở tất cả Thế giới.

清淨一切法界世界。令一切虛妄皆悉解脫。

Thanh tịnh nhất thiết Pháp giới Thế giới. Linh nhất thiết hư vọng giai tất Giải thoát.

Thanh tịnh Thế giới tất cả Cõi Pháp. Giúp cho tất cả ảo vọng hết thảy đều Giải thoát.

覺淨法界。如來有大人相。名光明雲。

Giác tịnh Pháp giới. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Quang minh vân.

Hiểu Cõi Pháp Thanh tịnh. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây quang sáng.

以心海王如意法寶莊嚴如來頂相。

Dĩ tâm hải Vương Như ý Pháp bảo trang nghiêm Như Lai đỉnh tướng.

Dùng Pháp báu Như ý biến tâm lớn nhất trang nghiêm tướng đỉnh của Như Lai.

普照十方世界諸菩薩雲。長養最上智身法身。

Phổ chiếu thập phương Thế giới chư Bồ Tát vân.

Trưởng dưỡng tối thượng Trí thân Pháp thân.

Chiếu sáng khắp các mây Bồ Tát ở Thế giới 10 phương. Nuôi lớn Thân Pháp thân Trí tuệ cao nhất.

行於一切如來相海。滿足一切菩薩法界雲。

Hành ư nhất thiết Như Lai tướng hải. Mãn túc nhất thiết Bồ Tát Pháp giới vân.

Thực hành với biển tướng của tất cả Như Lai. Đầy đủ mây Cõi Pháp của tất cả Bồ Tát.

如來有大人相。名一切莊嚴雲。金剛瑠璃華普照。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Nhất thiết trang nghiêm vân. Kim cương lưu ly hoa phổ chiếu.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Tất cả mây trang nghiêm. Chiếu sáng khắp hoa lưu ly Kim cương.

莊嚴一切法界海。世界眾寶蓮華以爲莊嚴。

Trang nghiêm nhất thiết Pháp giới hải. Thế giới chúng bảo Liên hoa dĩ vi trang nghiêm.

Trang nghiêm tất cả biển Cõi Pháp. Các hoa Sen báu của Thế giới dùng để trang nghiêm.

皆悉充滿一切法界。四種菩薩行，自在師子吼。

Giai tất sung mãn nhất thiết Pháp giới. Tứ chủng Bồ Tát hạnh, Tự tại Sư Tử吼.

Hết thảy đều tràn đầy tất cả Cõi Pháp. Bốn loại hạnh Bồ Tát, Sư Tử Tự do gầm.

充滿一切法界海。如來有大人相。名佛三昧海行雲。

Sung mãn nhất thiết Pháp giới hải. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phật Tam muội hải hành vân.

Tràn khắp tất cả biển Cõi Pháp. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây thực hành biển Tam muội của Phật.

莊嚴一切法界海。於念念中。普現無量如來莊嚴。

Trang nghiêm nhất thiết Pháp giới hải. Ư niệm niệm trung phổ hiện vô lượng Như Lai trang nghiêm.

Trang nghiêm tất cả biển Cõi Pháp. Ở trong mỗi nghĩ nhớ đều hiện ra trang nghiêm của vô lượng Như Lai.

充滿一切不可思議法界世界。如來有大人相。

Sung mãn nhất thiết bất khả tư nghị Pháp giới Thế giới. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Tràn đầy tất cả Thế giới Cõi Pháp không thể nghĩ bàn. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名化海普照雲。妙寶蓮華如須彌山王。

Kinh Hoa Nghiêm

Danh Hóa hải phổ chiếu vân. Diệu bảo Liên hoa như
Tu Di sơn vương.

Tên là Mây chiếu sáng khắp biển biến hóa. Hoa Sen
quý đẹp bằng núi lớn nhất Tu Di.

出生無量寶光明海。佛意所起，盧舍那所化。

Xuất sinh vô lượng bảo Quang minh hải. Phật ý sở
khởi, Lô Xá Na sở hóa.

Sinh ra vô lượng biển Quang sáng quý. Do ý Phật
phát ra, được Lô Xá Na Phật hóa ra.

出生無量一切化海。如來有大人相。

Xuất sinh vô lượng nhất thiết hóa hải. Như Lai hữu
đại nhân tướng.

Sinh ra vô lượng tất cả biển biến hóa. Như Lai có
tướng của người vĩ đại.

名一切如來解脫雲。離垢勝寶以為莊嚴。

Danh Nhất thiết Như Lai Giải thoát vân. Ly cấu thắng
bảo dĩ vi trang nghiêm.

Tên là Mây Giải thoát của tất cả Như Lai. Rời bản
được quý dùng để trang nghiêm.

普照莊嚴一切如來師子之座。

Phổ chiếu trang nghiêm nhất thiết Như Lai Sư Tử chi
tòa.

Trang nghiêm chiếu sáng khắp tất cả tòa Sư Tử của
Như Lai.

於其座內悉現一切如來色像。放大寶光明。

Ở kỳ tòa nội tất hiện nhất thiết Như Lai sắc tượng.
Phóng đại bảo Quang minh.

Ở bên trong tòa đó đều hiện ra tất cả Sắc hình của
Như Lai. Phóng Quang sáng quý lớn.

演說無量佛法大海。莊嚴一切諸佛刹海。

Diễn thuyết vô lượng Phật Pháp đại hải. Trang
nghiêm nhất thiết chư Phật sát hải.

Diễn thuyết vô lượng biển lớn Pháp Phật. Trang
nghiêm tất cả các biển Nước Phật.

如來有大人相。名覺佛種姓雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Giác Phật chủng
tính vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây hiểu
họ tộc Phật.

於瑠璃華, 金寶蓮華放無量寶正法光明雲。

Ở lưu ly hoa, kim bảo Liên hoa phóng vô lượng bảo
Chính Pháp Quang minh vân.

Với hoa lưu ly, hoa Sen vàng quý phóng vô lượng mây
Quang sáng Pháp đúng quý.

嚴淨一切如來光明。普現一切清淨法界。

Nghiêm tịnh nhất thiết Như Lai Quang minh. Phổ hiện
nhất thiết Thanh tịnh Pháp giới.

Nghiêm sạch tất cả Quang sáng Như Lai. Hiện ra khắp tất cả Cõi Pháp Thanh tịnh.

眾寶光明無壞解脫。遍入甚深諸法界海。

Chúng bảo Quang minh vô hoại Giải thoát. Biển nhập thậm thâm chư Pháp giới hải.

Các Quang sáng quý Giải thoát không phá hỏng. Nhập vào khắp biển Cõi Pháp rất sâu.

普現無量自在力海。如來有大人相。名無量寶光明輪。

Phổ hiện vô lượng Tự tại lực hải. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Vô lượng bảo quang minh luân.

Đều hiện ra vô lượng biển lực Tự do. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Vô lượng vàng quang sáng quý.

示現過去清淨善根。出生清淨智日。

Thị hiện Quá khứ Thanh tịnh thiện Căn. Xuất sinh Thanh tịnh Trí nhật.

Tỏ ra rõ Căn thiện Thanh tịnh Quá khứ. Sinh ra mặt Trời Trí tuệ Thanh tịnh.

普照十方智慧法海。如來有大人相。名普照自在雲。

Phổ chiếu thập phương Trí tuệ Pháp hải. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ chiếu Tự tại vân.

Chiếu sáng khắp biển Pháp Trí tuệ 10 phương. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây Tụ do chiếu sáng khắp.

如來頂寶妙解脫華瑠璃光明。普照一切法界海佛。

Như Lai đỉnh bảo diệm Giải thoát hoa lưu ly Quang minh. Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới hải Phật.

Trên đỉnh đầu Như Lai Quang sáng lưu ly hoa Giải thoát quý đẹp. Chiếu sáng khắp tất cả Phật biển Cõi Pháp.

悉現一切諸佛刹海。具足圓滿如來智慧。

Tất hiện nhất thiết chư Phật sát hải. Cụ túc viên mãn Như Lai Trí tuệ.

Đều hiện ra tất cả các biển Nước Phật. Trí tuệ Như Lai tràn khắp đầy đủ.

如來有大人相。名入一切普照光明。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Nhập nhất thiết phổ chiếu Quang minh.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Quang sáng nhập vào tất cả chiếu sáng khắp.

如來寶相清淨莊嚴。

Như Lai bảo tướng Thanh tịnh trang nghiêm.

Tướng quý của Như Lai Thanh tịnh trang nghiêm.

普照一切無量無邊如來，菩薩妙智慧藏一切法界。

Phổ chiếu nhất thiết vô lượng vô biên Như Lai, Bồ Tát
diệu Trí tuệ tạng nhất thiết Pháp giới.

Chiếu sáng khắp tất cả vô lượng vô biên Như Lai, tất
cả Cõi Pháp tạng Trí tuệ vi diệu của Bồ Tát.

如來有大人相。名明淨雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Minh tịnh vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây sáng
sạch.

寶華瑠璃月放無量百千光明。

Bảo hoa lưu ly Nguyệt phóng vô lượng bách thiên
Quang minh.

Hoa quý Trăng lưu ly phóng vô lượng trăm nghìn
Quang sáng.

普照一切法界，虛空界一切佛刹。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới, hư không giới nhất
thiết Phật sát.

Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp, tất cả Nước Phật
Cõi khoảng không.

普現十方一切如來。如來有大人相。名覺光明雲。

Phổ hiện thập phương nhất thiết Như Lai. Như Lai
hữu đại nhân tướng. Danh Giác Quang minh vân.

Hiện ra khắp tất cả Như Lai 10 phương. Như Lai có
tướng của người vĩ đại. Tên là Mây Quang sáng giác
ngộ.

一切寶光明普照一切法界諸佛轉淨法輪。

Nhất thiết bảo Quang minh phổ chiếu nhất thiết Pháp giới, chư Phật chuyển tịnh Pháp luân.

Tất cả Quang sáng quý chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp, các Phật chuyển vận vàng Pháp Thanh tịnh.

悉放如來妙光明雲。普照一切十方世界。

Tất phóng Như Lai diệu Quang minh vân. Phổ chiếu nhất thiết thập phương Thế giới.

Đều phóng ra mây Quang sáng đẹp của Như Lai.

Chiếu sáng khắp tất cả Thế giới 10 phương.

如來有大人相。名普現一切莊嚴雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ hiện nhất thiết trang nghiêm vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Hiện ra khắp tất cả mây trang nghiêm.

無量寶光明。於一念中一切法界。

Vô lượng bảo Quang minh. Ở nhất niệm trung nhất thiết Pháp giới.

Vô lượng Quang sáng quý. Ở trong một nghĩ nhớ tất cả Cõi Pháp.

普現一切菩薩坐於道場菩提樹下成等正覺。

Phổ hiện nhất thiết Bồ Tát tọa ở Đạo tràng Bồ Đề thụ hạ thành Đẳng Chính Giác.

Đều hiện ra tất cả Bồ Tát ngồi ở Đạo tràng dưới cây Bồ Đề thành Đẳng Chính Giác.

又能普現一切諸佛。如來有大人相。名法界因雲。

Hựu năng phổ hiện nhất thiết chư Phật. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Pháp giới nhân vân.

Lại có thể hiện ra khắp tất cả các Phật. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây do Cõi Pháp.

如意妙寶莊嚴。見無厭足。放大寶光明網。

Như ý diệu bảo trang nghiêm. Kiến vô yếm túc. Phóng đại bảo Quang minh võng.

Vật báu đẹp Như ý trang nghiêm. Thấy đủ không chán. Phóng lưới Quang sáng quý lớn.

普現一切眾生諸業報海。如來有大人相。

Phổ hiện nhất thiết chúng sinh chư Nghiệp báo hải. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Hiện ra khắp các biển Nghiệp báo của tất cả chúng sinh. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名曰普照淨法輪雲。能令如來正法清淨。

Danh viết Phổ chiếu tịnh Pháp luân vân. Năng linh Như Lai Chính Pháp Thanh tịnh.

Tên là Mây chiếu sáng khắp vầng Pháp Thanh tịnh. Có thể làm cho Thanh tịnh Pháp đúng của Như Lai.

普照莊嚴一切佛刹。深解一切不思議法海。

Phổ chiếu trang nghiêm nhất thiết Phật sát. Thâm giải nhất thiết bất tư nghị Pháp hải.

Chiếu sáng khắp trang nghiêm tất cả Nước Phật. Hiểu sâu tất cả biển Pháp không nghĩ bàn.

普照過去未來現在諸佛法界。出生無量如來化身。

Phổ chiếu Quá khứ Vị lai Hiện tại chư Phật Pháp giới.

Xuất sinh vô lượng Như Lai hóa thân.

Chiếu sáng khắp Cõi Pháp các Phật Quá khứ Hiện tại Tương lai. Sinh ra vô lượng thân biến hóa của Như Lai.

如來有大人相。名普照諸佛海雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ chiếu chư Phật hải vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây chiếu sáng khắp các biển Phật.

十方一切世界海中悉離障礙。普見一切如來海雲。

Thập phương nhất thiết Thế giới hải trung tất ly chướng ngại. Phổ kiến nhất thiết Như Lai hải vân.

Đều rời chướng ngại trong tất cả biển Thế giới 10 phương. Đều thấy mây biển tất cả Như Lai.

如來有大人相。名淨燈雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Tịnh đăng vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây đèn sáng sạch.

方便深入一切眾生，一切菩薩，
一切如來不可思議法界海雲。

Phương tiện thâm nhập nhất thiết chúng sinh, nhất
thiết Bồ Tát, nhất thiết Như Lai bất khả tư nghị Pháp
giới hải vân.

Phương tiện nhập sâu vào tất cả chúng sinh, tất cả Bồ
Tát, mây biển Cõi Pháp không thể nghĩ bàn của tất cả
Như Lai.

普照一切法界覺雲。如來有大人相。名分別法界雲
。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới giác vân. Như Lai hữu
đại nhân tướng. Danh Phân biệt Pháp giới vân.

Chiếu sáng khắp mây hiểu biết tất cả Cõi Pháp. Như
Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây phân biệt
Cõi Pháp.

如來智慧廣照佛地一切菩薩眾，無量法海，
無量佛刹。

Như Lai Trí tuệ quảng chiếu Phật địa nhất thiết Bồ
Tát chúng, vô lượng Pháp hải, vô lượng Phật sát.

Trí tuệ Như Lai rộng chiếu sáng tất cả các Bồ Tát
được bậc Phật, vô lượng biển Pháp, vô lượng Nước
Phật.

令一切眾生入佛境界。

Linh nhất thiết chúng sinh nhập Phật cảnh giới.

Giúp cho tất cả chúng sinh nhập vào cảnh giới Phật.

具足普賢菩薩願行, 佛平等智, 一切諸明。

Cụ túc Phổ Hiền Bồ Tát nguyện hạnh, Phật bình đẳng Trí, nhất thiết chư minh.

Đầy đủ hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, Trí tuệ bình đẳng của Phật, tất cả các sáng.

如來有大人相。名一切世界海安住普照雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Nhất thiết Thế giới hải an trụ phổ chiếu vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Tất cả biển Thế giới yên ở mây chiếu sáng khắp.

一切法界, 虛空界寶光明雲。見無厭足。

Nhất thiết Pháp giới, hư không giới bảo Quang minh vân. Kiến vô yếm túc.

Tất cả Cõi Pháp, mây Quang sáng quý ở Cõi khoảng không. Thấy đủ không chán.

普現道場一切菩薩, 諸如來身。出生無量普功德雲。

Phổ hiện Đạo tràng nhất thiết Bồ Tát, chư Như Lai thân. Xuất sinh vô lượng phổ công Đức vân.

Đều hiện ra tất cả Bồ Tát, thân các Như Lai ở Đạo tràng. Sinh ra vô lượng mây công Đức rộng lớn.

如來有大人相。名一切寶光焰雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Nhất thiết bảo quang diệm vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Tất cả mây ánh quang sáng quý.

於佛眉間相中。出生無量淨寶光明。

Ư Phật mi gian tướng trung. Xuất sinh vô lượng tịnh bảo Quang minh.

Ở trong tướng hào quang giữa mi của Phật. Sinh ra vô lượng Quang sáng quý sạch.

普照一切十方世界。淨照一切諸佛菩薩行。

Phổ chiếu nhất thiết thập phương Thế giới. Tịnh chiếu nhất thiết chư Phật Bồ Tát hạnh.

Chiếu sáng khắp tất cả Thế giới 10 phương. Chiếu sáng hết tất cả các hạnh Phật Bồ Tát.

法王光明普照法界。

Pháp vương Quang minh phổ chiếu Pháp giới.

Quang sáng của Vua Pháp chiếu sáng khắp Cõi Pháp.

悉能長養一切光明，一切法界光明莊嚴。

Tất năng trưởng dưỡng nhất thiết Quang minh, nhất thiết Pháp giới Quang minh trang nghiêm.

Đều có thể nuôi lớn tất cả Quang sáng, trang nghiêm Quang sáng của tất cả Cõi Pháp.

普照一切諸菩薩海，如來力雲。普照一切十方佛刹。

Phổ chiếu nhất thiết chư Bồ Tát hải, Như Lai lực vân.

Phổ chiếu nhất thiết thập phương Phật sát.

Chiếu sáng khắp tất cả các biển Bồ Tát, mây lục của Như Lai. Chiếu sáng khắp tất cả Nước Phật 10 phương.

如來有大人相。名一切法界莊嚴雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Nhất thiết Pháp giới trang nghiêm vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây trang nghiêm tất cả Cõi Pháp.

如來頂相隨次漸起閻浮檀金眾寶莊嚴。

Như Lai đỉnh tướng tùy thứ tiệm khởi Diêm phù đàn kim chúng bảo trang nghiêm.

Tướng đỉnh của Như Lai theo thứ tự phát ra các trang nghiêm quý vàng Diêm phù đàn.

放種種金色光明。於念念中普現一切世界諸佛。

Phóng chủng chủng kim sắc Quang minh. Ở niệm niệm trung phổ hiện nhất thiết Thế giới chư Phật.

Phóng ra đủ các loại Quang sáng màu sắc vàng. Ở trong mỗi nghĩ nhớ hiện ra khắp các Phật của tất cả Thế giới.

悉能普照一切佛刹。莊嚴一切菩薩諸功德藏。

Tất năng phổ chiếu nhất thiết Phật sát. Trang nghiêm nhất thiết Bồ Tát chư công Đức tạng.

Đều có thể chiếu sáng khắp tất cả Nước Phật. Trang nghiêm các tạng công Đức của tất cả Bồ Tát.

如來頂相悉能莊嚴三十二相。

Như Lai đỉnh tướng tất năng trang nghiêm Tam thập nhị tướng.

Tướng đỉnh của Như Lai đều có thể trang nghiêm 32 tướng.

又能莊嚴一切法界。如來有大人相。

Hựu năng trang nghiêm nhất thiết Pháp giới. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Lại có thể trang nghiêm tất cả Cõi Pháp. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名普照法界遍光明雲。佛眉間相。

Danh Phổ chiếu Pháp giới biến Quang minh vân. Phật mi gian tướng.

Tên là Mây Quang sáng chiếu sáng khắp Cõi Pháp.

Tướng hào quang giữa mi của Phật.

悉能普照一切妙寶，一切眾色，一切日月，一切佛海。

Tất năng phổ chiếu nhất thiết diệu bảo, nhất thiết chúng sắc, nhất thiết nhật nguyệt, nhất thiết Phật hải.

Đều có thể chiếu sáng tất cả vật báu đẹp, tất cả các Sắc thân, tất cả các mặt Trăng mặt Trời, tất cả biển Phật.

出生十方無量光明海。莊嚴一切諸如來身。

Xuất sinh thập phương vô lượng Quang minh hải.

Trang nghiêm nhất thiết chư Như Lai thân.

Sinh ra vô lượng biển Quang sáng 10 phương. Trang nghiêm tất cả các thân Như Lai.

演說一切如來法海。如來有大人相。名自在雲。

Diễn thuyết nhất thiết Như Lai Pháp hải. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Tự tại vân.

Diễn thuyết biển Pháp của tất cả Như Lai. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây Tự do.

佛清淨眼。眾寶莊嚴。慧眼清淨。

Phật Thanh tịnh nhãn. Chúng bảo trang nghiêm. Tuệ nhãn Thanh tịnh.

Mắt Thanh tịnh của Phật. Các vật báu trang nghiêm.

Mắt Trí tuệ Thanh tịnh.

於諸法界無所障礙。吉光明雲示現一切。

Ư chư Pháp giới vô sở chướng ngại. Cát Quang minh vân thị hiện nhất thiết.

Với các Cõi Pháp không bị chướng ngại. Mây Quang sáng yên lành tỏ ra rõ tất cả.

如來有大人勝妙鼻相。清淨眾寶以為莊嚴。

Như Lai hữu đại nhân thắng diệu tị tướng. Thanh tịnh chúng bảo dĩ vi trang nghiêm.

Như Lai có tướng mũi tốt đẹp của người vĩ đại. Các vật báu Thanh tịnh dùng để trang nghiêm.

一切眾寶妙色為覆。佛寶華雲。一切菩薩無能思議

。

Nhất thiết chúng bảo diệu sắc vị phúc. Phật bảo hoa vân. Nhất thiết Bồ Tát vô năng tư nghị.

Sắc đẹp của các vật báu che lên. Mây hoa quý của Phật. Tất cả Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

悉知一切眾生，諸佛法海。如來有大人廣長舌相。

Tất tri nhất thiết chúng sinh, chư Phật Pháp hải. Như Lai hữu đại nhân quảng trường thiết tướng.

Đều biết tất cả chúng sinh, biển Pháp các Phật. Như Lai có tướng lưỡi dài rộng của người vĩ đại.

悉能遍覆十方世界一切海雲。

Tất năng biến phúc thập phương Thế giới nhất thiết hải vân.

Đều có thể che lên khắp tất cả biển mây của Thế giới 10 phương.

過去修習善根所得一切寶王。清淨光明。

Quá khứ tu tập thiện Căn sở đắc nhất thiết bảo vương. Thanh tịnh Quang minh.

Do Quá khứ tu luyện Căn thiện được tất cả vật báu quý nhất. Quang sáng Thanh tịnh.

普照一切法界尸羅之心。又照一切三世諸佛。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới Thi la chi tâm. Hựu chiếu nhất thiết Tam thế chư Phật.

Chiếu sáng khắp tâm giữ Giới của tất cả Cõi Pháp. Lại chiếu sáng tất cả các Phật Ba Đời.

悉能莊嚴一切法界。出生無量微妙音聲。

Tất năng trang nghiêm nhất thiết Pháp giới. Xuất sinh vô lượng vi diệu âm thanh.

Đều có thể trang nghiêm tất cả Cõi Pháp. Sinh ra vô lượng âm thanh vi diệu.

不思議寶以為莊嚴。普照無量諸光明海。

Bất tư nghị bảo dĩ vi trang nghiêm. Phổ chiếu vô lượng chư Quang minh hải.

Báu vật không nghĩ bàn dùng để trang nghiêm. Chiếu sáng khắp vô lượng các biển Quang sáng.

佛妙音聲悉遍充滿一切法界諸世界海。

Phật diệu âm thanh tất biến sung mãn nhất thiết Pháp giới chư Thế giới hải.

Âm thanh vi diệu của Phật đều tràn đầy khắp các biển Thế giới của tất cả Cõi Pháp.

如來有大人相。名法界地雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Pháp giới địa vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây nơi Cõi Pháp.

舌掌安住一切眾寶以為莊嚴。

Thiệt chưởng an trụ nhất thiết chúng bảo dĩ vi trang nghiêm.

Đáy lưỡi yên ở tất cả các vật báu dùng để trang nghiêm

安住一切法。出生十方諸佛具足音聲。

An trụ nhất thiết Pháp. Xuất sinh thập phương chư Phật cụ túc âm thanh.

Yên ở tất cả Pháp. Sinh ra đầy đủ âm thanh của các Phật 10 phương.

悉能清淨一切佛刹。分別一切諸佛不可思議音聲海雲。

Tất năng Thanh tịnh nhất thiết Phật sát. Phân biệt nhất thiết chư Phật bất khả tư nghị âm thanh hải vân. **Đều có thể Thanh tịnh tất cả Nước Phật. Phân biệt biển mây âm thanh không thể nghĩ bàn của tất cả các Phật.**

如來有大人相。名順法界雲。舌端妙相。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Thuận Pháp giới vân. Thiệt đoan diệu tướng.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây thuận theo Cõi Pháp. Tướng đẹp đoan nghiêm của lưỡi.

金色淨寶以為莊嚴。出生無量金色光明。

Kim sắc tịnh bảo dĩ vi trang nghiêm. Xuất sinh vô lượng kim sắc Quang minh.

Vật báu sắc vàng Thanh tịnh dùng để trang nghiêm. Sinh ra vô lượng Quang sáng sắc vàng.

普照一切諸如來海。大師子吼，震妙音聲。

Phổ chiếu nhất thiết chư Như Lai hải. Đại Sư Tử
hống, chấn diệu âm thanh.

Chiếu sáng khắp tất cả các biển Như Lai. Sư Tử lớn
gầm, âm thanh vi diệu chấn động.

悉皆遍至一切世界。一切眾生無不聞者。

Tất giai biến chí nhất thiết Thế giới. Nhất thiết chúng
sinh vô bất văn giả.

Hết thảy đều tới khắp tất cả Cõi Pháp. Tất cả chúng
sinh đều nghe được.

於不可思議劫修行所得。普現一切諸音聲海。

Ư bất khả tư nghị Kiếp tu hành sở đắc. Phổ hiện nhất
thiết chư âm thanh hải.

Với không thể nghĩ bàn Kiếp tu hành được. Hiện ra
khắp tất cả các biển âm thanh.

普照一切眾生。樂聞無有厭足。

Phổ chiếu nhất thiết chúng sinh. Nhạo văn vô hữu
yếm túc.

Chiếu sáng khắp tất cả chúng sinh. Thích nghe đủ
không chán.

如來有大人相。名平等法門雲。佛舌端相。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Bình đẳng Pháp
môn vân. Phật thiệt đoan tướng.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây môn
Pháp bình đẳng. Tướng lưỡi đoan nghiêm của Phật.

令無量佛刹皆悉清淨。如意妙寶以為莊嚴。

Linh vô lượng Phật sát giai tất Thanh tịnh. Như ý diệu bảo dĩ vi trang nghiêm.

Giúp cho vô lượng Nước Phật hết thảy đều Thanh tịnh. Báu vật đẹp Như ý dùng để trang nghiêm.

出生無量種種音聲。讚歎一切諸佛法界。

Xuất sinh vô lượng chủng chủng âm thanh. Tán thán nhất thiết chư Phật Pháp giới.

Sinh ra vô lượng đủ các loại âm thanh. Ca ngợi tất cả các Cõi Pháp Phật.

普現一切菩薩法界。妙功德雲普覆一切諸佛菩薩。

Phổ hiện nhất thiết Bồ Tát Pháp giới. Diệu công Đức vân phổ phúc nhất thiết chư Phật Bồ Tát.

Hiện ra khắp tất cả Cõi Pháp Bồ Tát. Mây công Đức đẹp che lên khắp tất cả các Phật Bồ Tát.

深入一切諸佛菩薩法。悉現一切離垢眾寶清淨佛刹。

Thâm nhập nhất thiết chư Phật Bồ Tát Pháp. Tất hiện nhất thiết ly cấu chúng bảo Thanh tịnh Phật sát.

Nhập sâu vào tất cả các Pháp Phật Bồ Tát. Đều hiện ra tất cả Nước Phật Thanh tịnh các báu vật rời bẩn.

悉能普照一切佛刹。如來有大人斷齧相。

Tất năng phổ chiếu nhất thiết Phật sát. Như Lai hữu đại nhân ngân ngọc tướng.

Đều có thể chiếu sáng khắp tất cả Nước Phật. Như
Lai có tướng của người vĩ đại, tướng lợi răng.

伊陀尼羅淨瑠璃寶以爲莊嚴。諸法界地悉在其內。

Y đà ni la tịnh lưu ly bảo dĩ vi trang nghiêm. Chư
Pháp giới địa tất tại kỳ nội.

Báu vật lưu ly sạch Y đà ni la dùng để trang nghiêm.

Các bậc Cõi Pháp đều ở bên trong đó.

諸菩薩雲皆悉充滿。出生離垢妙寶光明。

Chư Bồ Tát vân giai tất sung mãn. Xuất sinh ly cấu
diệu bảo Quang minh.

Mây các Bồ Tát hết thảy đều tràn đầy. Sinh ra Quang
sáng quý đẹp rời bản.

普照十方種種香雲, 種種燈雲。

Phổ chiếu thập phương chủng chủng hương vân,
chủng chủng đăng vân.

Chiếu sáng khắp đủ các loại mây hương 10 phương,
đủ các loại mây đèn.

普照菩薩內諸樓閣。分別一切諸佛刹海。

Phổ chiếu Bồ Tát nội chư lâu các. Phân biệt nhất thiết
chư Phật sát hải.

Chiếu sáng khắp bên trong các lầu gác Bồ Tát. Phân
biệt tất cả các biển Nước Phật.

方便安住自在神力。普現不可思議諸法界雲。

Phương tiện an trụ Tự tại Thần lực. Phổ hiện bất khả tư nghị chư Pháp giới vân.

Phương tiện yên ở Thần lực Tự do. Hiện ra khắp các mây Cõi Pháp không thể nghĩ bàn.

如來有大人相。名佛大牙雲。如來右面下大牙相。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phật đại nha vân.

Như Lai hữu diện hạ đại nha tướng.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây răng lớn của Phật. Tướng răng lớn phía dưới bên phải Như Lai.

眾寶莊嚴放大光明輪。普照法界及諸佛身。

Chúng bảo trang nghiêm phóng đại Quang minh luân.

Phổ chiếu Pháp giới cập chư Phật thân.

Các vật báu trang nghiêm phóng vãng Quang sáng lớn. Chiếu sáng khắp Cõi Pháp và các thân Phật.

普放光明網。照十方世界海及眾生海。

Phổ phóng Quang minh võng. Chiếu thập phương Thế giới hải cập chúng sinh hải.

Đều phóng lưới Quang sáng. Chiếu sáng biển Thế giới và biển chúng sinh 10 phương.

妙安穩輪以爲莊嚴。如來有大人相。名寶焰須彌藏

。

Diệu an ổn luân dĩ vi trang nghiêm. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Bảo diệm Tu Di tạng.

Vàng đẹp yên ổn dùng để trang nghiêm. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Tạng Tu Di ánh sáng quý.

如來右面上大牙相。如意寶王藏勝香焰雲照以莊嚴。

Như Lai hữu diện thượng đại nha tướng. Như ý bảo vương tạng thắng hương diệm vân chiếu dĩ trang nghiêm.

Tướng răng lớn phía dưới bên phải Như Lai. Mây sáng hương tốt của tạng quý nhất Như ý chiếu sáng dùng để trang nghiêm.

放寶光明。與法界等一一光明內。

Phóng bảo Quang minh. Dĩ Pháp giới đẳng nhất nhất Quang minh nội.

Phóng Quang sáng quý. Với Cõi Pháp cùng với bên trong mỗi một Quang sáng.

普現一切諸佛自在，一切佛刹莊嚴道場。

Phổ hiện nhất thiết chư Phật Tự tại, nhất thiết Phật sát trang nghiêm Đạo tràng.

Hiện ra khắp tất cả các Tự do Phật, Đạo tràng trang nghiêm tất cả Nước Phật.

如來有大人相。名照一切寶須彌山燈雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Chiếu nhất thiết bảo Tu Di sơn đấng vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây đèn sáng chiếu sáng tất cả núi báu Tu Di.

如來左面下大牙相。分別解說一切諸相。

Như Lai tả diện hạ đại nha tướng. Phân biệt giải thuyết nhất thiết chư tướng.

Tướng răng lớn phía dưới bên trái Như Lai. Phân biệt giải thích tất cả các hình tướng.

香華眾寶妙方便輪以為莊嚴。

Hương hoa chúng bảo diệu Phương tiện luân dĩ vi trang nghiêm.

Hương hoa các vàng Phương tiện đẹp quý dùng để trang nghiêm.

放寶光明雲。普照一切世界海。

Phóng bảo Quang minh vân. Phổ chiếu nhất thiết Thế giới hải.

Phóng mây Quang sáng quý. Chiếu sáng khắp tất cả biển Thế giới.

普現一切佛蓮華藏師子之座。離垢菩薩海雲眷屬圍遶。

Phổ hiện nhất thiết Phật Liên hoa tạng Sư Tử chi tòa. Ly cấu Bồ Tát hải vân quyến thuộc vi nhiều.

Hiện ra khắp tòa Sư Tử tạng hoa Sen của tất cả Phật. Quyển thuộc của mây biển Bồ Tát rời bản vây quanh.

如來有大人相。名普照佛雲。如來左面上大牙相。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ chiếu Phật vân. Như Lai tả diện thượng đại nha tướng.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây chiếu sáng khắp Phật. Tướng răng lớn phía trên bên trái Như Lai.

清淨眾寶及閻浮檀寶網輪華以爲莊嚴。

Thanh tịnh chúng bảo cập Diêm phù đàn bảo võng luân hoa dĩ vi trang nghiêm.

Các báu vật Thanh tịnh và hoa vàng lưới quý Diêm phù đàn dùng để trang nghiêm.

出生不可思議微妙音聲。普現一切如來自在神力。

Xuất sinh bất khả tư nghị vi diệu âm thanh. Phổ hiện nhất thiết Như Lai Tự tại Thần lực.

Sinh ra âm thanh vi diệu không thể nghĩ bàn. Hiện ra khắp Thần lực Tự do của tất cả Như Lai.

成就一切菩薩功德。普照一切虛空及語言法，

Thành tựu nhất thiết Bồ Tát công Đức. Phổ chiếu

nhất thiết hư không cập ngữ ngôn Pháp,

Thành công tất cả công Đức Bồ Tát. Chiếu sáng khắp

tất cả khoảng không và Pháp lời nói,

無盡法雲，一切法海，諸佛音聲及一切寶。

vô tận Pháp vân, nhất thiết Pháp hải, chư Phật âm thanh cập nhất thiết bảo.

mây Pháp không hết, tất cả biển Pháp, âm thanh của các Phật và tất cả báu vật.

出生分別一切諸佛眾妙音聲。充滿法界。

Xuất sinh phân biệt nhất thiết chư Phật chúng diệu âm thanh. Sung mãn Pháp giới.

Sinh ra phân biệt các âm thanh vi diệu của tất cả các Phật. Tràn đầy Cõi Pháp.

如來有大人相。名金慕耆婆。如來一一齒間。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Kim mộ kì bà.

Như Lai nhất nhất xỉ gian.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Kim mộ kì bà. Giữa mỗi một răng của Như Lai.

出無量相海門雲。種種色寶。放大光明海。

Xuất vô lượng tướng hải môn vân. Chúng chúng sắc bảo. Phóng đại Quang minh hải.

Sinh ra mây cửa biển tướng vô lượng. Đủ các loại sắc quý. Phóng biển Quang sáng lớn.

闍浮檀金色。普照法界一切世界，一切如來。

Diêm phù đàn kim sắc. Phổ chiếu Pháp giới nhất thiết Thế giới, nhất thiết Như Lai.

Sắc vàng Diêm phù đàn. Chiếu sáng khắp tất cả Thế giới Cõi Pháp, tất cả Như Lai.

如來有大人相。名一切寶地雲。如來右肩相。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Nhất thiết bảo địa vân. Như Lai hữu kiên tướng.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Tất cả mây đất báu. Tướng vai phải của Như Lai.

一切寶色, 淨蓮華色,
明淨寶色。光焰普照一切菩薩內法藏雲。

Nhất thiết bảo sắc, tịnh Liên hoa sắc, minh tịnh bảo sắc. Quang diệm phổ chiếu nhất thiết Bồ Tát nội Pháp tạng vân.

Tất cả Sắc quý, sắc hoa Sen sạch, sắc quý sáng sạch. Ánh lửa quang chiếu sáng khắp mây tạng Pháp bên trong tất cả Bồ Tát.

悉照一切如來法海。如來右肩平滿大人相。

Tất chiếu nhất thiết Như Lai Pháp hải. Như Lai hữu kiên bình mãn đại nhân tướng.

Đều chiếu sáng biển Pháp của tất cả Như Lai. Vai phải Như Lai bằng đầy tướng người vĩ đại.

清淨閻浮檀金色。普照菩薩法輪法界。

Thanh tịnh Diêm phù đàn kim sắc. Phổ chiếu Bồ Tát Pháp luân Pháp giới.

Sắc vàng Thanh tịnh Diêm phù đàn. Chiếu sáng khắp Cõi Pháp vàng Pháp Bồ Tát.

及照一切如意寶王。如來有大人左肩相。

Cập chiếu nhất thiết Như ý bảo vương. Như Lai hữu đại nhân tả kiên tướng.

Và chiếu sáng tất cả ngọc quý nhất Như ý. Như Lai có tướng vai trái của người vĩ đại.

閻浮檀蓮華色。如來圓滿諸功德海以為莊嚴。

Diêm phù đàn Liên hoa sắc. Như Lai viên mãn chư công Đức hải dĩ vi trang nghiêm.

Sắc hoa Sen Diêm phù đàn. Như Lai đầy đủ các biển công Đức dùng để trang nghiêm.

普放無量諸光明網。悉照一切世界法界。

Phổ phóng vô lượng chư Quang minh võng. Tất chiếu nhất thiết Thế giới Pháp giới.

Đều phóng vô lượng các lưới Quang sáng. Đều chiếu sáng Cõi Pháp của tất cả Thế giới.

示現如來無量自在諸神力雲。如來有大人相。

Thị hiện Như Lai vô lượng Tự tại chư Thần lực vân. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Tỏ ra rõ mây các Thần lực Tự do vô lượng của Như Lai. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名周遍普照雲。如來左肩相。眾寶莊嚴。

Danh Chu biến phổ chiếu vân. Như Lai tả kiên tướng. Chúng bảo trang nghiêm.

Tên là Mây tràn đầy chiếu sáng khắp. Tướng vai trái của Như Lai. Các báu vật trang nghiêm.

放閻浮檀金色光明。悉能充滿一切法界。

Phóng Diêm phù đàn kim sắc Quang minh. Tất năng sung mãn nhất thiết Pháp giới.

Phóng ra Quang sáng sắc vàng Diêm phù đàn. Đều có thể tràn khắp tất cả Cõi Pháp.

普照一切諸如來海。種種寶香。

Phổ chiếu nhất thiết chư Như Lai hải. Chủng chủng bảo hương.

Chiếu sáng khắp tất cả các biển Như Lai. Đủ các loại hương quý.

莊嚴一切諸佛刹海。如來有大人相。

Trang nghiêm nhất thiết chư Phật sát hải. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Trang nghiêm tất cả các biển Nước Phật. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名普照莊嚴雲。如來右肩無有動轉。

Danh Phổ chiếu trang nghiêm vân. Như Lai hữu kiên vô hữu động chuyển.

Tên là Mây trang nghiêm chiếu sáng khắp. Vai phải của Như Lai không có chuyển động.

出生無量佛燈光明，垂法界雲。充滿菩薩眾。

Xuất sinh vô lượng Phật đặng Quang minh, thùy Pháp giới vân. Sung mãn Bồ Tát chúng.

Sinh ra Quang sáng vô lượng đèn Phật, mây Cõi Pháp rủ xuống. Tràn đầy chúng Bồ Tát.

普照莊嚴一切法界。如來有大人相。名海頂雲。

Phổ chiếu trang nghiêm nhất thiết Pháp giới. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Hải đỉnh vân.

Trang nghiêm chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây đỉnh biển.

如來胸有勝妙相海以爲莊嚴。柔軟細滑。

Như Lai hung hữu thắng diệu tướng hải dĩ vi trang nghiêm. Nhu nhuyễn tế hoạt.

Ngược Như Lai có biển tướng tốt đẹp dùng để trang nghiêm. Nhỏ bóng mềm mại.

種種眾寶焰輪莊嚴。周遍清淨。

Chủng chủng chúng bảo diệm luân trang nghiêm. Chu biến Thanh tịnh.

Đủ các loại các vàng sáng quý trang nghiêm. Thanh tịnh đầy khắp.

開發甚深法海音聲。如來有大人相。

Khai phát thậm thâm Pháp hải âm thanh. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Mở ra âm thanh biển Pháp rất sâu. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名勝妙相續普現雲。如來右脇勝妙清淨。

Danh Thắng diệu tương tục phổ hiện vân. Như Lai hữu hiệp thắng diệu Thanh tịnh.

Tên là Mây hiện ra khắp liên tục tốt đẹp. Sườn phải của Như Lai Thanh tịnh tốt đẹp.

法界輪地以爲莊嚴。清淨寶網而彌覆之。

Pháp giới luân địa dĩ vi trang nghiêm. Thanh tịnh bảo võng nhi di phúc chi.

Nơi vàng Cõi Pháp dùng để trang nghiêm. Lưới quý Thanh tịnh mà che lên khắp.

出生無量如來化雲。普照一切十方法界。

Xuất sinh vô lượng Như Lai hóa vân. Phổ chiếu nhất thiết thập phương Pháp giới.

Sinh ra mây biến hóa của vô lượng Như Lai. Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp 10 phương.

如來有大人相。名普現如來雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ hiện Như Lai vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây Như Lai hiện ra khắp.

勝妙功德藏菩薩功德寶天冠。普照極高雲。

Thắng diệu công Đức tạng Bồ Tát công Đức bảo Thiên quan. Phổ chiếu cực cao vân.

Tạng công Đức tốt đẹp, mũ Trời quý công Đức của Bồ Tát. Chiếu sáng khắp mây cao nhất.

Kinh Hoa Nghiêm

離垢清淨。普現十方無量諸佛自在神力。

Ly cấu Thanh tịnh. Phổ hiện thập phương vô lượng chư Phật Tụ tại Thần lực.

Thanh tịnh rời bần. Hiện ra khắp Thần lực Tụ do của vô lượng các Phật 10 phương.

開示三世一切諸佛法海淨行。

Khai thị Tam thế nhất thiết chư Phật Pháp hải tịnh hạnh.

Mở rộng tỏ rõ hạnh Thanh tịnh biển Pháp của tất cả các Phật Ba Đời.

坐於道場菩提樹下成等正覺。如來有大人相。

Tọa ư Đạo tràng Bồ Đề thụ hạ thành Đẳng Chính Giác. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Ngồi ở Đạo tràng dưới cây Bồ Đề thành Đẳng Chính Giác. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名開敷華雲。如來勝妙功德相續。

Danh Khai phu hoa vân. Như Lai thắng diệu công Đức tương tục.

Tên là Mây hoa nở ra. Công Đức tốt đẹp của Như Lai liên tục.

眾妙寶華寶輪莊嚴。放香焰光明。

Chúng diệu bảo hoa bảo luân trang nghiêm. Phóng hương diệm Quang minh.

Vàng báu của các hoa quý đẹp trang nghiêm. Phóng
Quang sáng hương lửa sáng.

普現一切蓮華形色世界。如來有大人相。

Phổ hiện nhất thiết Liên hoa hình sắc Thế giới. Như
Lai hữu đại nhân tướng.

Hiện ra khắp Thế giới hình sắc của tất cả hoa Sen.

Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名可悅樂金色雲。一切寶王藏勝妙功德相續。

Danh Khả duyệt lạc kim sắc vân. Nhất thiết bảo
vương tạng thắng diệu công Đức tương tục.

Tên là Mây sắc vàng đáng vui sướng. Công Đức tốt
đẹp của tất cả tạng báu tốt nhất liên tục.

一切寶心王藏放摩尼寶光明輪。離垢清淨。

Nhất thiết bảo tâm vương tạng phóng Ma ni bảo
Quang minh luân. Ly cấu Thanh tịnh.

Tất cả tạng tâm báu tốt nhất phóng vàng Quang sáng
ngọc quý Như ý. Thanh tịnh rời bẩn.

極大高顯。普照一切諸佛內方便功德藏。

Cực đại cao hiển. Phổ chiếu nhất thiết chư Phật nội
Phương tiện công Đức tạng.

Cao lớn rõ ràng nhất. Chiếu sáng khắp tạng công Đức
Phương tiện bên trong tất cả các Phật.

普照一切法界。如來有大人相。名勝海雲。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Thắng hải vân.

Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây biển tốt.

勝上虛空寶放香光明。普照十方一切道場。

Thắng thượng hư không bảo phóng hương Quang minh. Phổ chiếu thập phương nhất thiết Đạo tràng.

Báu vật tốt ở trên khoảng không phóng Quang sáng thơm. Chiếu sáng khắp tất cả Đạo tràng 10 phương.

圓滿瑠璃寶香燈鬘充滿十方。如來有大人相。

Viên mãn lưu ly bảo hương đăng man sung mãn thập phương. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Hoa Man đèn hương vật báu lưu ly đầy đủ tràn khắp 10 phương. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名電光雲。下第二勝功德。平等地相蓮華右旋。

Danh Điện quang vân. Hạ đệ nhị thắng công Đức.

Bình đẳng địa tướng Liên hoa hữu toàn.

Tên là Mây ánh chớp điện. Công Đức tốt thứ 2 bên dưới. Nơi bằng phẳng cùng với hoa Sen xoay tròn

sang phải.

淨菩薩眾坐寶蓮華。放佛藏光明。普照法界海。

Tịnh Bồ Tát chúng tọa bảo Liên hoa. Phóng Phật tạng Quang minh. Phổ chiếu Pháp giới hải.

Các Bồ Tát Thanh tịnh ngồi trên hoa Sen báu. Phóng Quang sáng tạn Phật. Chiếu sáng khắp biển Cõi Pháp.

如來有大人相。名普現法界雲。第三勝相海。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ hiện Pháp giới vân. Đệ tam thắng tướng hải.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây hiện ra khắp Cõi Pháp. Biển tướng tốt thứ ba.

具足成滿一切寶海刹。普照開現無量菩薩法界。

Cụ túc thành mãn nhất thiết bảo hải Sát. Phổ chiếu khai hiện vô lượng Bồ Tát Pháp giới.

Đầy đủ tràn khắp tất cả Nước Phật biển vật báu.

Chiếu sáng khắp mở ra Cõi Pháp của vô lượng Bồ Tát.

如來有大人相。名普照最高雲。第四勝相海。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ chiếu tối cao vân. Đệ tứ thắng tướng hải.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây cao nhất chiếu sáng khắp. Biển tướng tốt thứ 4.

放離垢眾寶光明海。普照一切法界，一切如來，

Phóng ly cấu chúng bảo Quang minh hải. Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới, nhất thiết Như Lai,

Phóng biển Quang sáng các vật báu rời bản. Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp, tất cả Như Lai,

一切世界莊嚴，一切眾生海。如來有大人相。

nhất thiết Thế giới trang nghiêm, nhất thiết chúng sinh hải. Như Lai hữu đại nhân tướng.

tất cả Thế giới trang nghiêm, tất cả biển chúng sinh. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名轉一切法輪妙音聲雲。下分勝相。

Danh Chuyển nhất thiết Pháp luân diệu âm thanh vân. Hạ phần thắng tướng.

Tên là Mây âm thanh vi diệu chuyển vận tất cả vàng Pháp. Tướng tốt phần bên dưới.

離垢清淨。一切正法道香焰光明。

Ly cấu Thanh tịnh. Nhất thiết Chính pháp Đạo hương diệm Quang minh.

Thanh tịnh rời bẩn. Quang sáng chói thơm của tất cả Đạo Pháp đúng.

照一切佛內心相海一切法界。如來有大人相。

Chiếu nhất thiết Phật nội tâm tướng hải nhất thiết Pháp giới. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Chiếu sáng tất cả Cõi Pháp biển tướng tâm bên trong của tất cả Phật. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名莊嚴雲。第十勝相。

Danh Trang nghiêm vân. Đệ thập thắng tướng.

Tên là Mây trang nghiêm. Tướng tốt thứ 10.

宣暢十方一切諸佛菩薩淨行，覺悟，離垢清淨，光明，三世諸佛一切智海。

Tuyên sớng thập phương nhất thiết chư Phật Bồ Tát tịnh hạnh, giác ngộ, ly cấu Thanh tịnh, Quang minh, Tam thế chư Phật Nhất thiết Trí hải.

Thích nói hạnh Thanh tịnh, giác ngộ, Thanh tịnh rời bản, Quang sáng, biển Tất cả Trí tuệ các Phật Ba đời của tất cả các Phật Bồ Tát 10 phương.

莊嚴一切諸佛刹海。如來有大人手掌相。

Trang nghiêm nhất thiết chư Phật sát hải. Như Lai hữu đại nhân thủ chưởng tướng.

Trang nghiêm tất cả các biển Nước Phật. Như Lai có tướng nắm tay của người vĩ đại.

具足千輻寶輪。種種眾寶以為莊嚴。放大光明。

Cụ túc thiên phúc bảo luân. Chủng chủng chúng bảo dĩ vi trang nghiêm. Phóng đại Quang minh.

Bánh xe báu đầy đủ nghìn nan hoa. Đủ các loại vật báu dùng để trang nghiêm. Phóng Quang sáng lớn.

普照法界。轉正法輪。普照一切諸如來海。

Phổ chiếu Pháp giới. Chuyển chính Pháp luân. Phổ chiếu nhất thiết chư Như Lai hải.

Chiếu sáng khắp Cõi Pháp. Chuyển vận vàng Pháp đúng. Chiếu sáng khắp tất cả các biển Như Lai.

充滿一切佛功德海。種種妙寶莊嚴法界。

Sung mãn nhất thiết Phật công Đức hải. Chúng chúng diệu bảo trang nghiêm Pháp giới.

Tràn đầy biển công Đức tất cả Phật. Đủ các loại vật báu đẹp trang nghiêm Cõi Pháp.

如來有大人相。名海照雲。如來寶手眾寶莊嚴。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Hải chiếu vân.

Như Lai bảo thủ chúng bảo trang nghiêm.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây chiếu sáng biển. Tay quý của Như Lai các vật báu trang nghiêm.

普放淨月光明焰雲。莊嚴虛空如來菩薩諸世界海。

Phổ phóng tịnh nguyệt Quang minh diệm vân. Trang nghiêm hư không Như Lai Bồ Tát chư Thế giới hải.

Đều phóng mây sáng Quang sáng mặt Trăng Thanh tịnh. Trang nghiêm khoảng không các biển Thế giới của Như Lai Bồ Tát.

讚歎菩薩行海。如來有大人相。名普莊嚴雲。

Tán thán Bồ Tát hạnh hải. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ trang nghiêm vân.

Ca ngợi biển hạnh Bồ Tát. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây rộng lớn trang nghiêm.

如來妙手因陀尼羅瑠璃寶華以為莊嚴。

Như Lai diệu thủ Nhân đà ni la lưu ly bảo hoa dĩ vi trang nghiêm.

Tay đẹp của Như Lai hoa quý lưu ly Nhân đà ni la
dùng để trang nghiêm.

普照一切法界，一切世界蓮華藏菩薩安住寶藏。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới, nhất thiết Thế giới
Liên hoa tạng Bồ Tát an trụ bảo tạng.

Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp, Bồ Tát yên ở tạng
báu, tạng hoa Sen của tất cả Thế giới.

莊嚴十方一切道場。

Trang nghiêm thập phương nhất thiết Đạo tràng.

Trang nghiêm tất cả Đạo tràng 10 phương.

普照一切諸佛海雲，清淨法身。如來有大人相。

Phổ chiếu nhất thiết chư Phật hải vân, Thanh tịnh
Pháp thân. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Chiếu sáng khắp tất cả các mây biển Phật, Thân Pháp
Thanh tịnh. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名離垢燈普照雲。淨寶光明。放淨光網。

Danh Ly cầu đặng phổ chiếu vân. Tịnh bảo Quang
minh. Phóng tịnh quang võng.

Tên là Mây đèn sáng rời bắn chiếu sáng khắp. Quang
sáng quý sạch. Phóng lưới quang sạch.

普照十方。皆悉出生變化網雲。莊嚴菩薩淨寶光明
。

Phổ chiếu thập phương. Giai tất xuất sinh biến hóa
võng vân. Trang nghiêm Bồ Tát tịnh bảo Quang minh.

Chiếu sáng khắp 10 phương. Hết thấy đều sinh ra mây lưới biến hóa. Trang nghiêm Quang sáng quý sạch của Bồ Tát.

究竟一切諸法行海。到於彼岸。如來有大人相。
Cứu cánh nhất thiết chư Pháp hạnh hải. Đáo ư bỉ Ngạn. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Thành quả tất cả các biển hạnh Pháp. Tới được Niết Bàn. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名普現一切眾寶雲寶藏海雲。莊嚴如來蓮華。

Danh Phổ hiện nhất thiết chúng bảo vân bảo tạng hải vân. Trang nghiêm Như Lai Liên hoa.

Tên là Biển mây tạng báu đều hiện ra tất cả các mây báu. Trang nghiêm hoa Sen của Như Lai.

充滿一切眾寶蓮華。放寶光明雲普照一切法界。

Sung mãn nhất thiết chúng bảo Liên hoa. Phóng bảo Quang minh vân phổ chiếu nhất thiết Pháp giới.

Tràn đầy tất cả các hoa Sen quý. Phóng mây Quang sáng quý chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp.

如來有大人相。名普照明淨雲。放寶焰光明海。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ chiếu minh tịnh vân. Phóng bảo diệm Quang minh hải.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây sáng sạch chiếu sáng khắp. Phóng biển Quang sáng chói quý.

照於法界。一切眾香光焰莊嚴。普現寶華焰光。

Chiếu ư Pháp giới. Nhất thiết chúng hương quang diệm trang nghiêm. Phổ hiện bảo hoa diệm quang.

Chiếu sáng Cõi Pháp. Tất cả các ánh quang thơm trang nghiêm. Hiện ra khắp quang sáng của hoa quý.

令一切佛世界網悉淨莊嚴。普照一切道場。

Linh nhất thiết Phật Thế giới vông tất tịnh trang nghiêm. Phổ chiếu nhất thiết Đạo tràng.

Làm cho lưới của tất cả Thế giới Phật đều sạch trang nghiêm. Chiếu sáng khắp tất cả Đạo tràng.

如來有大人相。名瑠璃燈雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Lưu ly đặng vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây đèn lưu ly.

一切世界眾寶色地普照莊嚴。

Nhất thiết Thế giới chúng bảo sắc địa phổ chiếu trang nghiêm.

Nơi sắc của các vật báu ở tất cả Thế giới trang nghiêm chiếu sáng khắp.

皆放諸佛金色光明。以一切莊嚴而莊校之。

Giai phóng chư Phật kim sắc Quang minh. Dĩ nhất thiết trang nghiêm nhi trang hiệu chi.

Đều phóng Quang sáng sắc vàng của các Phật. Dùng tất cả trang nghiêm mà trang hoàng chúng.

於一念中皆悉示現一切法門。如來有大人相。

Ư nhất niệm trung giai tất thị hiện nhất thiết Pháp môn. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Ở trong một nghĩ nhớ hết thấy đều tỏ ra rõ tất cả môn Pháp. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名智慧燈雲。金剛寶華以為莊嚴。

Danh Trí tuệ đăng vân. Kim cương bảo hoa dĩ vi trang nghiêm.

Tên là Mây đèn Trí tuệ. Hoa quý Kim cương dùng để trang nghiêm.

放閻浮檀金色光明。普照一切世界。

如來有大人相。

Phóng Diêm phù đàn kim sắc Quang minh. Phổ chiếu nhất thiết Thế giới. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Phóng Quang sáng sắc vàng Diêm phù đàn. Chiếu sáng khắp tất cả Thế giới. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名安住蓮華光明雲。眾寶妙華以為莊嚴。

Danh An trụ Liên hoa Quang minh vân. Chúng bảo hương hoa dĩ vi trang nghiêm.

Tên là Mây Quang sáng yên ở hoa Sen. Các hương hoa quý dùng để trang nghiêm.

放大光明網。覆一切世界諸須彌山。

Phóng đại Quang minh võng. Phúc nhất thiết Thế giới
chư Tu Di sơn.

Phóng lưới Quang sáng lớn. Che lên các núi Tu Di của
tất cả Thế giới.

如來有大人相。名充滿法界如來雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Sung mãn Pháp
giới Như Lai vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây Như
Lai tràn đầy Cõi Pháp.

離垢淨寶以爲莊嚴。放大光明。普照一切諸佛世界
。

Ly cấu tịnh bảo dĩ vi trang nghiêm. Phóng đại Quang
minh. Phổ chiếu nhất thiết chư Phật Thế giới.

Vật báu sạch rời bản dùng để trang nghiêm. Phóng
Quang sáng lớn. Chiếu sáng khắp tất cả các Thế giới
Phật.

悉見如來坐蓮華藏師子之座。又復普照一切法界。

Tất kiến Như Lai tọa Liên hoa tạng Sư Tử chi tòa.

Hựu phục phổ chiếu nhất thiết Pháp giới.

Đều thấy Như Lai ngồi trên tòa Sư Tử tạng hoa Sen.

Mà lại chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp.

現一切相。如來妙手普現一切自在之相。

Hiện nhất thiết tướng. Như Lai diệu thủ phổ hiện nhất
thiết Tự tại chi tướng.

Hiện ra tất cả hình tướng. Tay đẹp của Như Lai hiện ra khắp tất cả hình tướng Tự do.

千輻相輪清淨具足。種種眾寶以為莊嚴。

Thiên phúc tướng luân Thanh tịnh cụ túc. Chúng chủng chúng bảo dĩ vi trang nghiêm.

Tướng bánh xe nghìn nan hoa đầy đủ Thanh tịnh. Đủ các loại vật báu dùng để trang nghiêm.

佛手充滿一切刹雲。普照一切諸法界雲。

Phật thủ sung mãn nhất thiết Sát vân. Phổ chiếu nhất thiết chư Pháp giới vân.

Tay Phật tràn đầy tất cả mây Nước Phật. Chiếu sáng khắp tất cả các mây Cõi Pháp.

如來有大人相。名曰成就佛刹海雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh viết Thành tựu Phật sát hải vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Thành công mây biển Nước Phật.

佛右手指寶相。清淨法界, 清淨光焰。

Phật hữu thủ chỉ bảo tướng. Thanh tịnh Pháp giới, Thanh tịnh Quang diệm.

Hình tướng quý của ngón tay phải Phật. Cõi Pháp Thanh tịnh, Quang sáng Thanh tịnh.

普照如淨水月。出眾寶華。出生一切妙寶音聲。

Phổ chiếu như tịnh thủy nguyệt. Xuất chúng bảo hoa.
Xuất sinh nhất thiết diệu bảo âm thanh.

Chiếu sáng khắp như Trăng trong nước sạch. Sinh ra
các hoa quý. Sinh ra tất cả âm thanh quý vi diệu.

普現一切諸佛刹海。如來有大人相。

Phổ hiện nhất thiết chư Phật sát hải. Như Lai hữu đại
nhân tướng.

Đều hiện ra tất cả các biển Nước Phật. Như Lai có
tướng của người vĩ đại.

名安住一切寶雲。普照諸佛寶藏法界。於佛指相。

Danh An trụ nhất thiết bảo vân. Phổ chiếu chư Phật
bảo tạng Pháp giới. Ư Phật chỉ tướng.

Tên là Tất cả mây quý yên ở. Chiếu sáng khắp Cõi
Pháp tạng báu của các Phật. Với tướng ngón tay Phật.

出生如意妙寶王雲。眾寶莊嚴。放大光明網。

Xuất sinh Như ý diệu bảo vương vân. Chúng bảo
trang nghiêm. Phóng đại Quang minh võng.

Sinh ra mây quý đẹp nhất Như ý. Các vật báu trang
nghiêm. Phóng lưới Quang sáng lớn.

普照一切法界雲及諸佛雲。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới vân cập chư Phật vân.

Chiếu sáng khắp tất cả mây Cõi Pháp và các mây
Phật.

普照莊嚴一切菩薩諸功德海。

Phổ chiếu trang nghiêm nhất thiết Bồ Tát chư công Đức hải.

Trang nghiêm chiếu sáng khắp các biển công Đức của tất cả Bồ Tát.

出生普賢菩薩淨行妙音聲海。一切佛刹無不聞者。Xuất sinh Phổ Hiền Bồ Tát tịnh hạnh diệu âm thanh hải. Nhất thiết Phật sát vô bất văn giả.

Sinh ra biển âm thanh vi diệu hạnh Thanh tịnh của Phổ Hiền Bồ Tát. Tất cả Nước Phật đều nghe được.

又開發普照諸菩薩心。皆悉滿足無量大願。

Hựu khai phát phổ chiếu chư Bồ Tát tâm. Giai tất mãn túc vô lượng đại nguyện.

Lại mở ra chiếu sáng khắp các tâm Bồ Tát. Hết thảy đều đầy đủ vô lượng nguyện lớn.

摩尼寶王以為莊嚴。種種日光輪皆悉普照一切法界。

Ma ni bảo vương dĩ vi trang nghiêm. Chủng chủng Nhật quang luân, giai tất phổ chiếu nhất thiết Pháp giới.

Vật báu Như ý quý nhất dùng để trang nghiêm. Đủ các loại vàng ánh Dương, hết thảy đều chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp.

如來有大人寶馬藏相。隱密於右。眾寶莊嚴。

Như Lai hữu đại nhân bảo mã tạng tướng. Ẩn mật ư hữu. Chúng bảo trang nghiêm.

Như Lai có tướng tạng ngựa quý của người vĩ đại. Bí mật giấu kín ở bên phải. Các vật báu trang nghiêm.

普照一切法界及虛空界。一切眾寶莊嚴法界海。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới cập hư không giới.

Nhất thiết chúng bảo trang nghiêm Pháp giới hải.

Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp và Cõi khoảng

không. Tất cả các vật báu trang nghiêm biến Cõi

Pháp.

出生一切如來莊嚴微妙音聲。

Xuất sinh nhất thiết Như Lai trang nghiêm vi diệu âm thanh.

Sinh ra âm thanh vi diệu trang nghiêm của tất cả Như Lai.

如來有大人相。名曰一相現一切相海雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh viết Nhất tướng hiện nhất thiết tướng hải vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Một hình tướng hiện ra mây biển tất cả hình tướng.

如來安處福田之座。一切眾寶以爲莊嚴。

Như Lai an xử Phúc điền chi tòa. Nhất thiết chúng bảo dĩ vi trang nghiêm.

Như Lai yên ở tòa ruộng Phúc. Tất cả các vật báu dùng để trang nghiêm.

出生無量不可思議妙寶光明。普照十方一切法界。

Xuất sinh vô lượng bất khả tư nghị diệu bảo Quang minh. Phổ chiếu thập phương nhất thiết Pháp giới.

Sinh ra vô lượng Quang sáng quý đẹp không thể nghĩ bàn. Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp 10 phương.

普現分別一切眾相。現一相雲。

Phổ hiện phân biệt nhất thiết chúng tướng. Hiện nhất tướng vân.

Đều hiện ra phân biệt tất cả các hình tướng. Hiện ra mây một hình tướng.

照現一切諸佛自在神力。如來有大人相。名一切法界海雲。

Chiếu hiện nhất thiết chư Phật Tự tại Thần lực. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Nhất thiết Pháp giới hải vân.

Chiếu sáng hiện ra Thần lực Tự do của tất cả các Phật. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây biển tất cả Cõi Pháp.

普照十方諸如來座及一切法界法輪法海。

Phổ chiếu thập phương chư Như Lai tòa cập nhất thiết Pháp giới Pháp luân Pháp hải.

Chiếu sáng khắp các tòa Như Lai 10 phương và tất cả biển Pháp vàng Pháp Cối Pháp.

悉能示現一切相雲。如來有大人相。名普示現雲。

Tất năng thị hiện nhất thiết tướng vân. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Phổ thị hiện vân.

Đều có thể tỏ ra rõ tất cả mây hình tướng. Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây hiện ra rõ khắp.

如來右髀眾寶莊嚴。放於妙法種種香光。

Như Lai hữu bễ chúng bảo trang nghiêm. Phóng ư diệu Pháp chủng chủng hương quang.

Các vật báu trang nghiêm ở đùi phải của Như Lai.

Phóng ra đủ các loại ánh sáng thơm của Pháp vi diệu.

隨順安住出諸音聲。一切寶王以為莊嚴。

Tùy thuận an trụ xuất chư âm thanh. Nhất thiết bảo vương dĩ vi trang nghiêm.

Thuận theo yên ở sinh ra các âm thanh. Tất cả vật quý nhất dùng để trang nghiêm.

於念念中悉能示現心王海雲。如來有大人相。

Ư niệm niệm trung tất năng thị hiện tâm vương hải vân. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Ở trong mỗi nghĩ nhớ đều có thể tỏ ra rõ biển mây lớn nhất của tâm. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名普照一切迴向海雲。如來左髀。

Danh Phổ chiếu nhất thiết hồi hương hải vân. Như Lai tả bễ.

Tên là Mây biển chiếu sáng khắp tất cả hồi hương.

Đùi trái của Như Lai.

悉遍充滿一切寶海。隨順安住法海莊嚴。

Tất biến sung mãn nhất thiết bảo hải. Tùy thuận an trụ Pháp hải trang nghiêm.

Đều tràn đầy khắp tất cả biển báu. Thuận theo yên ở biển Pháp trang nghiêm.

放一切光明海。悉能普照一切眾生無量佛海。

Phóng nhất thiết Quang minh hải. Tất năng phổ chiếu nhất thiết chúng sinh, vô lượng Phật hải.

Phóng ra tất cả biển Quang sáng. Đều có thể chiếu sáng khắp tất cả chúng sinh, vô lượng biển Phật.

如來有大人相。伊尼延右肱。放閻浮檀金色光明。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Y ni diên hữu đoan.

Phóng Diêm phù đàn kim sắc Quang minh.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Đoan bên phải Y ni diên. Phóng Quang sáng sắc vàng Diêm phù đàn.

普照一切世界。震動無量諸佛刹土。

Phổ chiếu nhất thiết Thế giới. Chấn động vô lượng chư Phật sát thổ.

Chiếu sáng khắp tất cả Thế giới. Chấn động vô lượng đất các Nước Phật.

出佛音聲。一切普聞。出生無量菩薩化身。

Xuất Phật âm thanh. Nhất thiết phổ văn. Xuất sinh vô lượng Bồ Tát hóa thân.

Sinh ra âm thanh Phật. Tất cả đều nghe. Sinh ra vô lượng hóa thân Bồ Tát.

充滿一切諸佛世界及虛空界。放明淨光明。

Sung mãn nhất thiết chư Phật Thế giới cập hư không giới. Phóng minh tịnh Quang minh.

Tràn khắp tất cả các Thế giới Phật và Cõi khoảng không. Phóng Quang sáng sạch sáng.

莊嚴普照一切。令諸佛刹皆悉清淨。

Trang nghiêm phổ chiếu nhất thiết. Linh chư Phật sát giai tất Thanh tịnh.

Trang nghiêm chiếu sáng khắp tất cả. Làm cho các Nước Phật hết thảy đều Thanh tịnh.

菩薩變化藏諸法界雲猶若虛空。如來有大人相。

Bồ Tát biến hóa tạng chư Pháp giới vân do nhược hư không. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Các mây Cõi Pháp tạng biến hóa của Bồ Tát giống như khoảng không. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

伊尼延左肱如鍊金色。常放一切妙寶光明。

Y ni diên tả đoạn như luyện kim sắc. Thường phóng nhất thiết diệu bảo Quang minh.

Đoạn bên trái Y ni diên sắc như luyện vàng. Thường phóng tất cả Quang sáng quý đẹp.

充滿無量諸佛世界。開發一切諸佛法化。

Sung mãn vô lượng chư Phật Thế giới. Khai phát nhất thiết chư Phật Pháp hóa.

Tràn khắp vô lượng các Thế giới Phật. Mở ra tất cả các biển hóa Pháp Phật.

莊嚴無量諸佛法海。如來有大人相。

Trang nghiêm vô lượng chư Phật Pháp hải. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Trang nghiêm vô lượng các biển Pháp Phật. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名毛端內現一切佛刹。

Danh Mao đoạn nội hiện nhất thiết Phật sát.

Tên là Bên trong một đoạn lông hiện ra tất cả Nước Phật.

於一毛孔悉放一切寶光明藏。

Ư nhất mao khổng tất phóng nhất thiết bảo Quang minh tạng.

Từ một lỗ chân lông đều phóng tất cả tạng Quang sáng quý.

普照十方一切法界。

Phổ chiếu thập phương nhất thiết Pháp giới.

Chiếu sáng khắp tất cả Cõi Pháp 10 phương.

於一毛孔示現一切如來自在諸法界雲。

Ư nhất mao khổng thị hiện nhất thiết Như Lai Tự tại chư Pháp giới vân.

Ở một lỗ chân lông hiện ra rõ các mây Cõi Pháp Tự do của tất cả Như Lai.

如來有大人相。名菩薩海莊嚴雲。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Bồ Tát hải trang nghiêm vân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây biển Bồ Tát trang nghiêm.

如來金剛足下閻浮檀金色。放一切寶光明網。

Như Lai Kim cương túc hạ Diêm phù đàn kim sắc. Phóng nhất thiết bảo Quang minh võng.

Sắc vàng Diêm phù đàn, dưới chân Kim cương của Như Lai. Phóng ra tất cả lưới Quang sáng quý.

充滿十方諸佛刹雲。開發一切菩薩法化。

Sung mãn thập phương chư Phật sát vân. Khai phát nhất thiết Bồ Tát Pháp hóa.

Tràn đầy các mây Nước Phật 10 phương. Mở ra Pháp biến hóa của tất cả Bồ Tát.

出生無量菩薩變化。放一切寶香光明。住菩薩海。

Xuất sinh vô lượng Bồ Tát biến hóa. Phóng nhất thiết bảo hương Quang minh. Trụ Bồ Tát hải.

Sinh ra vô lượng biến hóa Bồ Tát. Phóng tất cả Quang sáng thơm quý. Dừng ở biển Bồ Tát.

能於一步遍諸佛刹。如來有大人相。名明淨雲。

Năng ư nhất bộ biến chư Phật sát. Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Minh tịnh vân.

Có thể với một bước chân đi khắp các Nước Phật.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây sáng sạch.

佛足踏上一切眾寶以為莊嚴。放妙寶光明。

Phật túc phu thượng nhất thiết chúng bảo dĩ vi trang nghiêm. Phóng diệu bảo Quang minh.

Trên mu bàn chân của Phật tất cả các vật báu dùng để trang nghiêm. Phóng Quang sáng quý đẹp.

示現一切諸佛菩薩大光明藏。普照無量諸如來雲。

Thị hiện nhất thiết chư Phật Bồ Tát đại Quang minh tạng. Phổ chiếu vô lượng chư Như Lai vân.

Tỏ ra rõ tạng Quang sáng lớn của tất cả các Phật Bồ Tát. Chiếu sáng khắp vô lượng các mây Như Lai.

如來有大人相。名曰覺雲。普覆一切如來指間。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh viết Giác vân. Phổ phúc nhất thiết Như Lai chỉ gian.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây giác ngộ. Che lên khắp giữa ngón tay của tất cả Như Lai.

眾寶王莊嚴。放諸寶光。於念念中。

Chúng bảo vương trang nghiêm. Phóng chư bảo quang. Ư niệm niệm trung.

Các vật quý nhất trang nghiêm. Phóng các ánh sáng quý. Ở trong mỗi một nghĩ nhớ.

示現一切諸佛自在。普照無量諸佛法海。

Thị hiện nhất thiết chư Phật Tự tại. Phổ chiếu vô lượng chư Phật Pháp hải.

Tỏ ra rõ Tự do của tất cả các Phật. Chiếu sáng khắp vô lượng các biển Pháp Phật.

示現一切道場。悉照未來無量際劫。如來有大人相。

Thị hiện nhất thiết Đạo tràng. Tất chiếu Vị lai vô lượng tế Kiếp. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Tỏ ra rõ tất cả Đạo tràng. Đều chiếu sáng vô lượng Kiếp thời Tương lai. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名曰遍照法界海雲。如來足下千輻相輪。

Danh viết Biển chiếu Pháp giới hải vân. Như Lai túc hạ thiên phúc tướng luân.

Tên là Mây chiếu sáng khắp biển Cõi Pháp. Tướng bánh xe nghìn nan hoa dưới chân Như Lai.

種種莊嚴。放百千眾寶光明。

Chủng chủng trang nghiêm. Phóng bách thiên chúng bảo Quang minh.

Đủ các loại trang nghiêm. Phóng trăm nghìn các Quang sáng quý.

普照一切法界諸世界海。眾寶燈焰妙莊嚴藏。

Phổ chiếu nhất thiết Pháp giới chư Thế giới hải.

Chúng bảo đẳng diệm diệu trang nghiêm tạng.

Chiếu sáng khắp các biển Thế giới của tất cả Cõi

Pháp. Các ánh đèn quý sáng tạng trang nghiêm vi diệu.

普照十方一切諸佛。無量香光以為莊嚴。

Phổ chiếu thập phương nhất thiết chư Phật. Vô lượng hương quang dĩ vi trang nghiêm.

Chiếu sáng khắp tất cả các Phật 10 phương. Vô lượng ánh sáng thơm dùng để trang nghiêm.

普照一切淨法界海。如來有大人相。

Phổ chiếu nhất thiết tịnh Pháp giới hải. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Chiếu sáng khắp tất cả biển Cõi Pháp Thanh tịnh.

Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名示現一切諸佛海雲。清淨如空。照諸法海。

Danh Thị hiện nhất thiết chư Phật hải vân. Thanh tịnh như không. Chiếu chư Pháp hải.

Tên là Mây tỏ ra rõ tất cả các biển Phật. Thanh tịnh như Rỗng. Chiếu sáng các biển Pháp.

充滿十方。發起一切諸菩薩雲。出妙音聲雲。

Sung mãn thập phương. Phát khởi nhất thiết chư Bồ Tát vân. Xuất diệu âm thanh vân.

Tràn đầy 10 phương. Phát ra tất cả các mây Bồ Tát. Sinh ra mây âm thanh vi diệu.

眾寶華雲以為莊嚴。香燈光焰。示現普照一切世界。

Chúng bảo hoa vân dĩ vi trang nghiêm. Hương đăng quang diệu. Thị hiện phổ chiếu nhất thiết Thế giới.

Các mây hoa quý dùng để trang nghiêm. Ánh đèn thơm sáng. Tỏ ra rõ chiếu sáng khắp tất cả Thế giới.

如來有大人相。名自在光明雲。眾寶莊嚴。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Tự tại Quang minh vân. Chúng bảo trang nghiêm.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây Quang sáng Tự do. Các vật báu trang nghiêm.

示現一切諸佛光明。淨法界海及諸道場。

Thị hiện nhất thiết chư Phật Quang minh. Tịnh Pháp giới hải cập chư Đạo tràng.

Tỏ ra rõ Quang sáng của tất cả các Phật. Biển Cõi Pháp Thanh tịnh và các Đạo tràng.

常放如來智慧光明。一切眾相悉為一相。

Thường phóng Như Lai Trí tuệ Quang minh. Nhất thiết chúng tướng tất vi nhất tướng.

Thường phóng Quang sáng Trí tuệ Như Lai. Tất cả các tướng đều là một hình tướng.

法界無雜。種種莊嚴。如來有大人相。

Pháp giới vô tạp. Chúng chủng trang nghiêm. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Cõi Pháp không hỗn tạp. Đủ các loại trang nghiêm.

Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名法界海音聲雲。如來足下後分。眾寶莊嚴。

Danh Pháp giới hải âm thanh vân. Như Lai túc hạ hậu phần. Chúng bảo trang nghiêm.

Tên là Mây âm thanh của biển Cõi Pháp. Phần sau dưới chân Phật. Các vật báu trang nghiêm.

普照一切諸法界海。一切諸佛自在莊嚴。普入化輪。

Phổ chiếu nhất thiết chư Pháp giới hải. Nhất thiết chư Phật Tự tại trang nghiêm. Phổ nhập hóa luân.

Chiếu sáng khắp tất cả các biển Cõi Pháp. Tất cả các Phật Tự do trang nghiêm. Đều nhập vào vàng biển hóa.

覆一切法界。於一一身出生法界妙音聲雲。

Phúc nhất thiết Pháp giới. Ở nhất nhất thân xuất sinh Pháp giới diệu âm thanh vân.

Che lên tất cả Cõi Pháp. Với mỗi một thân sinh ra mây âm thanh vi diệu Cõi Pháp.

如來有大人相。名深寶原底。眾寶莊嚴。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Thâm bảo nguyên
để. Chúng bảo trang nghiêm.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Đáy nguồn
quý thâm sâu. Các vật báu trang nghiêm.

放閻浮檀金色。圓滿光明。普照十方世界法界。

Phóng Diêm phù đàn kim sắc. Viên mãn Quang minh.
Phổ chiếu thập phương Thế giới Pháp giới.

Phóng sắc vàng Diêm phù đàn. Quang sáng đầy đủ.

Chiếu sáng khắp Cõi Pháp Thế giới 10 phương.

顯現一切莊嚴道場。如來有大人相。

Hiển hiện nhất thiết trang nghiêm Đạo tràng. Như Lai
hữu đại nhân tướng.

Hiện rõ tất cả Đạo tràng trang nghiêm. Như Lai có
tướng của người vĩ đại.

名一切寶月光明伊那尼羅寶藏莊嚴照法界雲。

Danh Nhất thiết bảo nguyệt Quang minh Y na ni la
bảo tạng trang nghiêm chiếu Pháp giới vân.

Tên là Mây trang nghiêm chiếu sáng Cõi Pháp tạng
báu Y na ni la Quang sáng của tất cả mặt Trăng quý.

於念念中悉能示現如來法海。如來有大人相。

Ư niệm niệm trung tất năng thị hiện Như Lai Pháp
hải. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Ở trong mỗi một nghĩ nhớ đều có thể tỏ ra rõ biến
Pháp Như Lai. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名普雲藏右虛空寶雲。最高寶光明。

Danh Phổ vân tạng hữu hư không bảo vân. Tối cao
bảo Quang minh.

Tên là Mây báu khoảng không bên phải của tạng mây
rộng lớn. Quang sáng quý cao nhất.

照一切佛道場座藏。金剛伊那尼羅寶顯現莊嚴。

Chiếu nhất thiết Phật Đạo tràng tòa tạng. Kim cương
Y na ni la bảo hiển hiện trang nghiêm.

Chiếu sáng tạng tòa Đạo tràng của tất cả Phật. Kim
cương Y na ni la quý trang nghiêm hiện rõ.

如來有大人相。名平等光雲。眾寶妙華以為莊嚴。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Bình đẳng quang
vân. Chúng bảo hương hoa dĩ vi trang nghiêm.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây sáng
bình đẳng. Các hoa hương quý dùng để trang nghiêm.

出生甚深法界音聲。遍一切法界及虛空界。

Xuất sinh thậm thâm Pháp giới âm thanh. Biến nhất
thiết Pháp giới cập hư không giới.

Sinh ra âm thanh Cõi Pháp rất sâu. Tới khắp tất cả
Cõi Pháp và Cõi khoảng không.

於一一相普照一切諸如來海。入佛甚深自在。

Ư nhất nhất tướng phổ chiếu nhất thiết chư Như Lai hải. Nhập Phật thậm thâm Tự tại.

Với mỗi một tướng chiếu sáng khắp tất cả các biển Như Lai. Nhập vào Tự do rất sâu của Phật.

菩薩法界海說不可盡。如來有大人相。

Bồ Tát Pháp giới hải thuyết bất khả tận. Như Lai hữu đại nhân tướng.

Nói không thể hết biển Cõi Pháp Bồ Tát. Như Lai có tướng của người vĩ đại.

名示現莊嚴雲。清淨閻浮檀金色眾寶莊嚴。

Danh Thị hiện trang nghiêm vân. Thanh tịnh Diêm phù đàn kim sắc chúng bảo trang nghiêm.

Tên là Mây trang nghiêm tỏ ra rõ. Các vật báu trang nghiêm sắc vàng Diêm phù đàn Thanh tịnh.

普放種種妙色光明。遍照一切莊嚴佛刹。

Phổ phóng chủng chủng diệu sắc Quang minh. Biển chiếu nhất thiết trang nghiêm Phật sát.

Đều phóng đủ các loại Quang sáng sắc vi diệu. Chiếu sáng khắp trang nghiêm tất cả Nước Phật.

佛雲充滿無量世界。莊嚴菩薩自在法海。

Phật vân sung mãn vô lượng Thế giới. Trang nghiêm Bồ Tát Tự tại Pháp hải.

Mây Phật tràn đầy vô lượng Thế giới. Trang nghiêm biển Pháp Tự do của Bồ Tát.

普照一切諸佛功德及諸菩薩解脫之藏。莊嚴法界。

Phổ chiếu nhất thiết chư Phật công Đức cập chư Bồ Tát Giải thoát chi tạng. Trang nghiêm Pháp giới.

Chiếu sáng khắp tất cả công Đức các Phật và tạng Giải thoát của các Bồ Tát. Trang nghiêm Cõi Pháp.

如來有大人相。名諸佛自在普示現雲。轉諸寶輪。

Như Lai hữu đại nhân tướng. Danh Chư Phật Tự tại phổ thị hiện vân. Chuyển chư bảo luân.

Như Lai có tướng của người vĩ đại. Tên là Mây đều tỏ ra rõ Tự do của các Phật. Chuyển vận các vàng quý.

眾寶莊嚴。放不思議如來光明。

Chúng bảo trang nghiêm. Phóng bất tư nghị Như Lai Quang minh.

Các vật báu trang nghiêm. Phóng Quang sáng Như Lai không nghĩ bàn.

妙香普聞一切世界無量佛海。演出一切佛音聲海。

Diệu hương phổ văn nhất thiết Thế giới vô lượng Phật hải. Diễn xuất nhất thiết Phật âm thanh hải.

Hương vi diệu thơm khắp vô lượng biển Phật của tất cả Thế giới. Nói ra biển âm thanh của tất cả các Phật.

於諸世界現菩薩門佛自在雲。佛子!

Ư chư Thế giới hiện Bồ Tát môn Phật Tự tại vân. Phật Tử!

Ở tất cả Thế giới hiện ra mây Tự do Phật môn Pháp
Bồ Tát. Phật Tử !

於佛身中有如是等十蓮華藏世界海微塵數佛大人相

。

Ư Phật thân trung hữu như thị đẳng thập Liên hoa
tạng Thế giới hải vi trần số Phật đại nhân tướng.

Ở trong thân Phật có như thế cùng với tướng người
vĩ đại của Phật bằng số bụi trần của biển Thế giới 10
tạng hoa Sen.

於諸肢節種種妙寶以為莊嚴。

Ư chư chi tiết chủng chủng diệu bảo dĩ vi trang
nghiêm.

Với các chi khớp đủ các loại vật báu vi diệu dùng để
trang nghiêm.

大方廣佛華嚴經佛小相光明功德品第三十

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Phật
tiểu tướng Quang minh công Đức Phẩm đệ tam thập.

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật Phẩm
thứ 30 Công Đức Quang sáng tướng nhỏ của Phật.

爾時佛告寶手菩薩言：如來，應供，等正覺有隨形好。

Nhĩ thời Phật cáo Bảo Thủ Bồ Tát ngôn : Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chính Giác hữu tùy hình Hảo.

Khi đó Phật bảo Bảo Thủ Bồ Tát nói rằng : Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chính Giác có hình mạo tốt đẹp.

名曰海王。彼出光明。名曰明淨。

Danh viết Hải vương. Bử xuất Quang minh. Danh viết Minh tịnh.

Tên là Biển lớn nhất. Nó sinh ra Quang sáng. Tên là Sáng sạch.

七百萬阿僧祇光以爲眷屬。又菩薩摩訶薩於兜率天。

Thất bách vạn A tăng kì quang dĩ vi quyến thuộc. Hựu Bồ Tát Ma ha tát ư Đâu Suất Thiên.

Bảy trăm vạn A tăng kì ánh sáng dùng làm quyến thuộc. Mới lại Bồ Tát Bồ Tát lớn ở Trời Đâu Suất.

放大光明。名曰幢王。普照十世界微塵數刹。

Phóng đại Quang minh. Danh viết Tràng vương. Phổ chiếu thập Thế giới vi trần số Sát.

Phóng Quang sáng lớn. Tên là Cờ lớn nhất. Chiếu sáng khắp Nước Phật bằng số bụi trần của 10 Thế giới.

遍照彼處地獄眾生。滅除苦痛。

Biển chiếu bử xử Địa ngục chúng sinh. Diệt trừ khổ thống.

Chiếu sáng khắp chúng sinh ở Địa ngục đó. Trừ diệt khổ đau.

令彼眾生十種眼耳鼻舌身意。諸根行業皆悉清淨。

Linh bử chúng sinh thập chủng nhãn nhĩ tị thiệt thân ý. Chư Căn hành Nghiệp giai tất Thanh tịnh.

Giúp cho 10 loại Căn mắt tai mũi lưỡi thân ý của chúng sinh đó. Các Căn làm Nghiệp hết tẩy đều Thanh tịnh.

彼諸眾生見光明已。皆大歡喜。命終皆生兜率天上。

Bử chư chúng sinh kiến Quang minh dĩ. Giai đại hoan hỷ. Mệnh chung giai sinh Đâu Suất Thiên thượng.

Các chúng sinh đó thấy Quang sáng xong. Đều rất vui mừng. Hết mệnh đều sinh lên trên Trời Đâu Suất.

生天上已。聞天妙音。名不可樂。此音聲語諸天子言：

Sinh Thiên thượng dĩ. Văn Thiên diệu âm. Danh Bất khả lạc. Thử âm thanh ngữ chư Thiên Tử ngôn :

Đã sinh lên trên Trời. Nghe âm thanh vi diệu trên Trời. Tên là Không thể vui sướng. Âm thanh này bảo các người Trời nói rằng :

以不放逸故。於諸佛所種善根故。遇善知識故。

Dĩ bất phóng dật cố. Ư chư Phật sở chủng thiện Căn cố. Ngộ thiện Tri thức cố.

Do vì không phóng túng. Do ở nơi ở của các Phật
trồng các Căn thiện. Do gặp Tri thức thiện.

盧舍那佛威神力故。於地獄命終生此天上。

Lô Xá Na Phật uy Thần lực cố. Ở Địa ngục mệnh
chung sinh thử Thiên thượng.

Do uy Thần lực của Lô Xá Na Phật. Hết mệnh ở Địa
ngục sinh lên trên Trời này.

如來足下千輻輪中有妙光明。名普照王。

Như Lai túc hạ thiên phúc luân trung hữu diệu Quang
minh. Danh Phổ chiếu vương.

Trong bánh xe nghìn nan hoa dưới chân Như Lai có
Quang sáng vi diệu. Tên là Chiếu sáng khắp lớn nhất.

於彼海王隨形好處。悉放四十廣大光明。

Ở bãi hải vương tùy hình hảo xứ. Tất phóng tứ thập
quảng đại Quang minh.

Với biển lớn nhất đó nơi hình mạo tốt đẹp. Đều phóng
40 Quang sáng rộng lớn.

一名清淨功德。普照六十億那由他佛刹微塵數世界
。

Nhất danh Thanh tịnh công Đức. Phổ chiếu lục thập
ức Na do tha Phật sát vi trần số Thế giới.

Cùng tên là Công Đức Thanh tịnh. Chiếu sáng khắp
Thế giới bằng số bụi trần của 60 trăm triệu Na do tha
Nước Phật.

隨眾生境界。隨種善根。隨眾生意。乃至普照阿鼻地獄。

Tùy chúng sinh cảnh giới. Tùy chúng thiện Căn. Tùy chúng sinh ý. Nãi chí phổ chiếu A Tì Địa ngục.

Thuận theo cảnh giới chúng sinh. Thuận theo loại Căn thiện. Thuận theo ý chúng sinh. Thậm chí chiếu sáng khắp Địa ngục A Tì.

其中眾生。命終皆生兜率天上。生天上已。

Kỳ trung chúng sinh. Mệnh chung giai sinh Đâu Suất Thiên thượng. Sinh Thiên thượng dĩ.

Chúng sinh ở trong đó. Bỏ mệnh đều sinh lên trên Trời Đâu Suất. Đã sinh lên trên Trời.

聞天妙音。作如是言。善哉!善哉!諸天子!

Văn Thiên diệu âm. Tác như thị ngôn. Thiện tai !

Thiện tai ! Chư Thiên Tử !

Nghe âm thanh vi diệu trên Trời. Làm lời nói như thế.

Thiện thay ! Thiện thay ! Các người Trời !

盧舍那菩薩今住離垢三昧。應當敬念。

Lô Xá Na Bồ Tát kim trụ Ly cấu Tam muội. Ứng đương kính niệm.

Lô Xá Na Bồ Tát nay dừng ở Tam muội rời bấn. Cần phải nhớ cung kính.

爾時諸天子聞天勸化微妙之音。便作是念。奇哉!奇哉!

Nhĩ thời chư Thiên Tử văn Thiên khuyến hóa vi diệu chi âm. Tiện tác thị niệm. Kì tai ! Kì tai !

Khi đó các người Trời nghe âm thanh vi diệu khuyến giáo hóa trên Trời. Liền làm suy ngẫm đó. Lạ thay ! Lạ thay !

何由出此微妙音聲？爾時音聲語諸天子言：

我此天音。

Hà do xuất thử vi diệu âm thanh ? Nhĩ thời âm thanh ngữ chư Thiên Tử ngôn : Ngã thử Thiên âm.

Do cái gì sinh ra âm thanh vi diệu này ? Lúc đó âm thanh bảo các người Trời nói rằng : Âm thanh Trời này của Ta.

諸善功德之所成就。諸天子！如我說我。

Chư thiện công Đức chi sở thành tựu. Chư Thiên Tử ! Như Ngã thuyết Ngã.

Thành công bởi các công Đức thiện. Các người Trời ! Như Ta nói về bản thân ta.

而不著我，

不著我所。一切諸佛亦復如是。自說是佛。

Nhi bất trước Ngã, bất trước Ngã sở. Nhất thiết chư Phật diệc phục như thị. Tự thuyết thị Phật.

Mà không nương nhờ bản thân ta, không nương nhờ được bản thân ta. Tất cả các Phật cũng lại như thế.

Tự nói là Phật.

而不著我，不著我所。諸天子！

如我音聲。不從東方。

Nhi bất trước Ngã, bất trước Ngã sở. Chư Thiên Tử !

Như Ngã âm thanh. Bất tòng Đông phương.

Mà không nương nhờ bản thân ta, không nương nhờ
được bản thân ta. Các người Trời ! Như âm thanh của
Ta. Không từ phương Đông.

南, 西, 北方。四維上,

下來。諸天子!業報成佛亦復如是。

Nam Tây Bắc phương. Tứ duy Thượng Hạ lai. Chư

Thiên Tử ! Nghiệp báo thành Phật diệt phục như thị.

Phương Tây Nam Bắc. Bốn hướng Trên Dưới tới. Các
người Trời ! Nghiệp báo thành Phật cũng lại như thế.

非十方來。諸天子!猶如汝等昔在地獄。不從十方來

。

Phi thập phương lai. Chư Thiên Tử ! Do như Nhữ

đẳng tích tại Địa ngục. Bất tòng thập phương lai.

Không phải 10 phương tới. Các người Trời ! Giống

như các Ngài trước ở Địa ngục. Không từ 10 phương
tới.

但以顛倒愚癡纏故。得地獄身。本無來處。如普照
王光明。

Đã dĩ điên đảo ngu si triền cố. Đắc Địa ngục thân.

Bản vô lai xứ. Như phổ chiếu vương Quang minh.

Chỉ do vì đảo lộn ngu si ràng buộc. Được thân Địa ngục. Vốn dĩ nơi tới không có. Như Quang sáng lớn nhất chiếu sáng khắp.

不從十方來。我天音聲亦復如是。非十方來。

Bất tòng thập phương lai. Ngã Thiên âm thanh diệc phục như thị. Phi thập phương lai.

Không từ 10 phương tới. Âm thanh trên Trời của Ta cũng lại như thế. Không phải 10 phương tới.

但以三昧善根力故。出生如是微妙音聲。

Đãn dĩ Tam muội thiện Căn lực cố. Xuất sinh như thị vi diệu âm thanh.

Chỉ do vì lực Căn thiện Tam muội. Sinh ra âm thanh vi diệu như thế.

般若波羅蜜力故。示現如是自在神力。諸天子!

Bát nhã Ba La Mật lực cố. Thị hiện như thị Tự tại Thần lực. Chư Thiên Tử!

Do lực Trí tuệ tới Niết Bàn. Tỏ ra rõ Thần lực Tự do như thế. Các người Trời!

譬如須彌山王有三十三天淨妙宮殿種種樂具。

Thí như Tu Di sơn vương hữu tam thập tam Thiên tịnh diệc cung điện chủng chủng nhạc cụ.

Ví như núi lớn nhất Tu Di có đủ các loại nhạc cụ cung điện Thanh tịnh của Trời Đạo Lợi.

不從十方來。我天音聲亦復如是。諸天子!

Bất tòng thập phương lai. Ngã Thiên âm thanh diệc phục như thị. Chư Thiên Tử !

Không từ 10 phương tới. Âm thanh trên Trời của Ta cũng lại như thế. Các người Trời !

譬如億那由他佛刹微塵數世界末爲微塵。如是微塵數眾生。

Thí như ức Na do tha Phật sát vi trần số Thế giới mặt vi vi trần. Như thị vi trần số chúng sinh.

Ví như Thế giới nát vụn làm bụi trần bằng số bụi trần của trăm triệu Na do tha Nước Phật. Chúng sinh bằng số bụi trần như thế.

我爲說法。隨彼所應。令大歡喜。然我於彼。

Ngã vị thuyết Pháp. Tùy bỉ sở ưng. Linh đại hoan hỉ. Nhiên Ngã ư bỉ.

Ta vì nói Pháp. Tùy theo ý của họ. Giúp cho vui mừng lớn. Đương nhiên Ta với họ.

不生厭惡心, 不生疲倦心, 不生放逸心, 不生憍慢心。

Bất sinh yếm ố tâm, bất sinh bì quyện tâm, bất sinh phóng dật tâm, bất sinh kiêu mạn tâm.

Không sinh tâm chán gét, không sinh tâm mệt mỏi, không sinh tâm phóng túng, không sinh tâm kiêu mạn.

諸天子! 盧舍那菩薩住離垢三昧亦復如是。

Chư Thiên Tử ! Lô Xá Na Bồ Tát trụ Ly cấu Tam muội diệc phục như thị.

Các người Trời ! Lô Xá Na Bồ Tát dùng ở Tam muội rời bản cũng lại như thế.

於右手掌隨形好中。放一光明。出生無量自在神力。

。

Ư hữu thủ chưởng tùy hình Hảo trung. Phóng nhất Quang minh. Xuất sinh vô lượng Tự tại Thần lực.

Ở trong hình mạo tốt của năm tay phải. Phóng một Quang sáng. Sinh ra vô lượng Thần lực Tự do.

一切眾生, 聲聞, 緣覺所不能知。

Nhất thiết chúng sinh, Thanh Văn, Duyên Giác sở bất năng tri.

Tất cả chúng sinh, Thanh Văn, Duyên Giác không thể biết được.

汝等應當往詣盧舍那菩薩。恭敬禮拜。

Nhữ đẳng ứng đương vãng nghê Lô Xá Na Bồ Tát. Cung kính lễ bái.

Các Ngài cần phải đi tới nơi Lô Xá Na Bồ Tát. Cung kính lễ bái.

莫著五欲障諸善根。諸天子! 譬如劫盡燒須彌山。

Mạc trước ngũ Dục chướng chư thiện Căn. Chư Thiên Tử ! Thí như Kiếp tận thiêu Tu Di sơn.

Đừng nương nhờ 5 Tham muốn chướng ngại các Căn thiện. Các người Trời ! Ví như Kiếp hết đốt thiêu núi Tu Di.

悉令消滅。諸天子！

五欲纏心。修念佛三昧。皆悉除滅。

Tất linh tiêu diệt. Chư Thiên Tử! Ngũ Dục triển tâm.

Tu Niệm Phật Tam muội. Giai tất trừ diệt.

Đều làm cho tiêu diệt. Các người Trời! Năm Tham muốn ràng buộc tâm. Tu hành Tam muội Nhớ Phật.

Hết thảy đều trừ diệt.

是故諸天子當知報恩。一向敬念盧舍那菩薩。諸天子!

Thị cố chư Thiên Tử đương tri báo ân. Nhất hướng kính niệm Lô Xá Na Bồ Tát. Chư Thiên Tử!

Vì thế các người Trời cần biết báo ân. Một hướng kính nhớ Lô Xá Na Bồ Tát. Các người Trời!

其有眾生不知報恩。捨是身已。入三惡道。諸天子!

Kỳ hữu chúng sinh bất tri báo ân. Xả thị thân dĩ. Nhập Tam ác Đạo. Chư Thiên Tử!

Nếu có chúng sinh không biết báo ân. Bỏ thân đó xong. Nhập vào 3 Đạo ác. Các người Trời!

汝昔在地獄。蒙光明恩。捨地獄已。來生此天。

Nhữ tích tại Địa ngục. Mông Quang minh ân. Xả Địa ngục dĩ. Lai sinh thử Thiên.

Ngài trước ở Địa ngục. Được ân Quang sáng. Đã vứt bỏ Địa ngục. Tới sinh Trời này.

應當長養彼諸善根。諸天子!譬如我天。非男非女。

Ứng dương trưởng dưỡng bỉ chư thiện Căn. Chư Thiên Tử ! Thí như Ngã Thiên. Phi nam phi nữ.

Cần phải nuôi lớn các Căn thiện đó. Các người Trời ! Ví như Trời của Ta. Nam sai nữ sai.

而能出生百千萬億不思議法。諸天子!

Nhi năng xuất sinh bách thiên vạn ức bất tư nghị Pháp. Chư Thiên Tử !

Mà có thể sinh ra trăm nghìn vạn trăm triệu Pháp không thể nghĩ bàn. Các người Trời !

如天子, 天女, 五欲樂具,

宮殿園林。皆悉如我。不生不滅。

Như Thiên Tử, Thiên nữ, ngũ Dục lạc cụ, cung điện viên lâm. Giai tất như Ngã. Bất sinh bất diệt.

Như người Trời nam, người Trời nữ, đủ vui 5 Tham muốn, cung điện vườn rừng. Hết thấy đều như Ta.

Không sinh không mất.

色, 受, 想, 行, 識亦復如是。若如是知。

Sắc Thụ Tưởng Hành Thức diệc phục như thị. Nhược như thị tri.

Sắc Thụ Tưởng Hành Thức cũng lại như thế. Nếu biết như thế.

是名能入無著甚深三昧海。時諸天子聞是音聲。歡喜無量。

Thị danh Năng nhập Vô trước thậm thâm Tam muội hải. Thời chư Thiên Tử văn thị âm thanh. Hoan hỉ vô lượng.

Tên là Có thể nhập vào biển Tam muội Không nương nhờ rất thâm sâu. Thời các người Trời nghe âm thanh như thế. Vui mừng vô lượng.

皆悉化作一萬華雲，一萬香雲，一萬樂雲，一萬幢雲，一萬蓋雲，一萬讚歎雲。

Giai tất hóa tác nhất vạn hoa vân, nhất vạn hương vân, nhất vạn nhạc vân, nhất vạn tràng vân, nhất vạn cái vân, nhất vạn tán thán vân.

Hết thấy đều hóa ra làm 1 vạn mây hoa, 1 vạn mây hương, 1 vạn mây âm nhạc, 1 vạn mây cờ, 1 vạn mây lọng, 1 vạn mây ca ngợi.

作是化已。往詣盧舍那菩薩所住宮殿。恭敬供養。

Tác thị hóa dĩ. Vãng nghệ Lô Xá Na Bồ Tát sở trụ cung điện. Cung kính cúng dường.

Làm biến hóa đó xong. Đi tới cung điện nơi ở của Lô Xá Na Bồ Tát. Cung kính cúng dường.

於一面住。而不見盧舍那菩薩。時有天子作如是言

。

Ư nhất diện trụ. Nhi bất kiến Lô Xá Na Bồ Tát. Thời hữu Thiên Tử tác như thị ngôn.

Dùng ở một bên. Mà không thấy Lô Xa Na Bồ Tát.
Thời có một người Trời làm lời nói như thế.

此菩薩者今已命終。生淨飯王家。乘栴檀樓閣。

Thử Bồ Tát giả kim dĩ mệnh chung. Sinh Tịnh Phạn
Vương gia. Thừa Chiên đàn lâu các.

Bồ Tát này nay đã bỏ mệnh. Sinh gia đình Vua Tịnh
Phạn. Nhờ vào lầu gác Chiên đàn.

處摩耶夫人胎。爾時諸天子以天眼觀盧舍那菩薩摩
訶薩。

Xử Ma Da Phu nhân thai. Nhĩ thời chư Thiên Tử dĩ
Thiên nhãn quan Lô Xá Na Bồ Tát Ma ha tát.

Ở trong thai Phu nhân Ma Da. Khi đó các người Trời
dùng mắt trên Trời quan sát Lô Xa Na Bồ Tát Bồ Tát
lớn.

見梵身天, 欲界諸天恭敬供養。

Kiến Phạm thân Thiên, Dục giới chư Thiên cung kính
cúng dưỡng.

Thấy thân Trời Phạm, các Trời Cõi Dục cung kính
cúng dưỡng.

時諸天子作如是言。我等若不先往恭敬供養盧舍那
菩薩。

Thời chư Thiên Tử tác như thị ngôn. Ngã đẳng nhược
bất tiên vãng cung kính cúng dưỡng Lô Xá Na Bồ Tát.

Thời các người Trời làm lời nói như thế. Chúng ta nếu không đầu tiên đi tới cung kính cúng dưỡng Lô Xa Na Bồ Tát.

乃至一念頃。住兜率天起樂著心者。我則不可。

Nãi chí nhất niệm khoảnh. Trụ Đâu Suất Thiên khởi lạc trước tâm giả. Ngã tức bất khả.

Thậm chí chỉ một giây lát. Ở Trời Đâu Suất phát ra tâm nương nhờ vui sướng. Ta chắc là không thể.

爾時一一天子與十那由他天子眷屬。

Nhĩ thời nhất nhất Thiên Tử dữ thập Na do tha Thiên Tử quyến thuộc.

Lúc đó mỗi một người Trời cùng với 10 Na do tha quyến thuộc của người Trời.

欲從天下至閻浮提詣菩薩所。時天妙音語天子言：

Dục tòng Thiên hạ chí Diêm Phù Đề nghệ Bồ Tát sở.

Thời Thiên diệu âm ngữ Thiên Tử ngôn :

Muốn từ trên Trời hạ xuống Diêm Phù Đề đi tới nơi ở của Bồ Tát. Thời âm thanh vi diệu của Trời bảo người Trời nói rằng :

菩薩摩訶薩亦不命終生於彼間。隨所應化。悉令彼見。

Bồ Tát Ma ha tát diệc bất mệnh chung sinh ư bỉ gian.

Tùy sở ưng hóa. Tất linh bỉ kiến.

Bồ Tát Bồ Tát lớn này cũng không bỏ mệnh sinh ở nơi đó. Hóa ra theo yêu cầu. Đều giúp cho họ thấy.
諸天子!譬如我今非眼所見。能出音聲。

Chư Thiên Tử! Thí như Ngã kim phi nhãn sở kiến.
Năng xuất âm thanh.

Các người Trời! Ví như Ta nay mắt sai thấy được. Có thể sinh ra âm thanh.

菩薩摩訶薩住離垢三昧。亦復如是。非眼所見。

Bồ Tát Ma ha tát trụ Ly cấu Tam muội. Diệt phục như thị. Phi nhãn sở kiến.

Bồ Tát Bồ Tát lớn đó dừng ở Tam muội Rời hẳn. Cũng lại như thế. Mắt sai thấy được.

而處處示現命終受生。捨離虛妄。滅除憍慢。無所染著。

Nhi xứ xứ thị hiện mệnh chung thụ sinh. Xả ly hư vọng. Diệt trừ kiêu mạn. Vô sở nhiễm trước.

Mà khắp nơi tỏ ra rõ bỏ mệnh nhận sinh. Rời bỏ ảo vọng. Trừ diệt kiêu mạn. Không bị nhiễm nương nhờ.

是故諸天子!

應當速發阿耨多羅三藐三菩提心。令意清淨。

Thị cố chư Thiên Tử! Ứng đương tốc phát Thiên Tử Bồ Đề tâm. Linh ý Thanh tịnh.

Vì thế các người Trời! Cần phải nhanh phát tâm Thiên Tử Bồ Đề. Làm cho ý Thanh tịnh.

住威儀戒。悔過一切業障，煩惱障，報障，邪見障。

Trụ uy nghi Giới. Hồi quá nhất thiết Nghiệp chướng, Phiền não chướng, báo chướng, tà kiến chướng.

Dừng ở Giới hạnh uy nghi. Sám hối tất cả chướng ngại Nghiệp tội cũ, chướng ngại Phiền não, chướng ngại báo ứng, chướng ngại thấy sai trái.

以法界，虛空界，眾生界等善身，口，意業。

Dĩ Pháp giới, hư không giới, chúng sinh giới đẳng thiện Thân khẩu ý Nghiệp.

Do Cõi Pháp, cõi không, cõi chúng sinh cùng với Nghiệp Thân miệng ý thiện.

以眾生界等身。眾生界等頭。眾生界等舌。

Dĩ chúng sinh giới đẳng thân. Chúng sinh giới đẳng đầu. Chúng sinh giới đẳng thiệt.

Do cõi chúng sinh cùng với thân. Cõi chúng sinh cùng với đầu. Cõi chúng sinh cùng với lưỡi

悔過四障。時諸天子聞是聲已。皆大歡喜。心意柔軟。

Hồi quá tứ chướng. Thời chư Thiên Tử văn thị thanh dĩ. Giai đại hoan hỷ. Tâm ý nhu nhuyển.

Sám hối 4 chướng ngại tội cũ. Thời các người Trời nghe âm thanh đó xong. Đều rất vui mừng. Tâm ý mềm mại.

問天聲曰：菩薩摩訶薩云何悔過？

Vấn Thiên thanh viết. Bồ Tát Ma ha tát vân hà hối quá ?

Hỏi âm thanh Trời nói rằng : Bồ Tát Bồ Tát lớn sám hối tội cũ ra sao ?

爾時天聲以菩薩摩訶薩三昧力故, 天善根力故。

Nhĩ thời Thiên thanh dĩ Bồ Tát Ma ha tát Tam muội lực cố, Thiên thiện Căn lực cố.

Khi đó âm thanh Trời do vì lực Tam muội của Bồ Tát Bồ Tát lớn, do lực Căn thiện trên Trời.

答諸天子言 : 業障等罪。不從東方, 南, 西, 北方, 四維上下來。

Đáp chư Thiên Tử ngôn : Nghiệp chướng đẳng tội. Bất tòng Đông phương, Nam Tây Bắc phương, Tứ duy Thượng Hạ lai.

Trả lời các người Trời nói rằng : Chướng ngại Nghiệp cùng với tội. Tội không từ phương Đông, phương Tây Nam Bắc, Bốn hướng Trên Dưới.

積聚於心。菩薩摩訶薩知此業等。因顛倒起。

Tích tụ ư tâm. Bồ Tát Ma ha tát tri thử Nghiệp đẳng. Nhân điên đảo khởi.

Tích tụ ở tâm. Bồ Tát Bồ Tát lớn biết các Nghiệp này. Phát ra nhân do đảo lộn.

不生疑惑。諸天子!如我天聲。

Bất sinh nghi hoặc. Chư Thiên Tử ! Như Ngã Thiên thanh.

Không sinh nghi hoặc. Các người Trời ! Như âm thanh Trời của Ta.

說隨業報行, 隨戒, 隨喜, 隨定, 寂滅。

Thuyết tùy Nghiệp báo hành, tùy Giới, tùy hỷ, tùy định, Tịch diệt.

Nói làm theo Nghiệp báo, theo Giới hạnh, vui theo, theo yên định, Rỗng lặng.

諸佛菩薩說我眾生貪恚癡業。而實無我, 無有我所。

Chư Phật Bồ Tát thuyết Ngã chúng sinh tham khüế si Nghiệp. Nhi thực vô Ngã, vô hữu Ngã sở.

Các Phật Bồ Tát nói Nghiệp tham giận ngu của bản thân chúng sinh. Mà thực không có bản thân, không có được bản thân.

亦復如是。所作諸業。於十方求悉不可得。諸天子!

Diệc phục như thị. Sở tác chư Nghiệp. Ư thập phương cầu tất bất khả đắc. Chư Thiên Tử !

Cũng lại như thế. Làm được các Nghiệp. Ở 10 phương cầu đều không thể được. Các người Trời !

如我天聲。少福眾生所不能聞。

Như Ngã Thiên thanh. Thiểu Phúc chúng sinh sở bất năng văn.

Như âm thanh trên Trời của Ta. Chúng sinh ít Phúc không thể nghe được.

除地獄眾生應受化者。諸天子!聲非生滅。

Trừ Địa ngục chúng sinh ứng thụ hóa giả. Chư Thiên Tử! Thanh phi sinh diệt.

Ngoại trừ chúng sinh của Địa ngục cần nhận giáo hóa. Các người Trời! Âm thanh sinh mất sai.

一切諸業亦復如是。非生非滅。但隨業行而受果報。

Nhất thiết chư Nghiệp diệt phục như thị. Phi sinh phi diệt. Dẫn tùy Nghiệp hạnh nhi thụ quả báo.

Tất cả các Nghiệp cũng lại như thế. Sinh sai mất sai. Chỉ thuận theo hạnh Nghiệp mà nhận quả báo.

諸天子!如我所出音聲。於無量劫不可窮盡。

Chư Thiên Tử! Như Ngã sở xuất âm thanh. Ư vô lượng Kiếp bất khả cùng tận.

Các người Trời! Như âm thanh được Ta phát ra. Ở vô lượng Kiếp không thể tận cùng.

諸天子!若謂音聲有來去者。即墮邊見。

Chư Thiên Tử! Nhược vị âm thanh hữu lai khứ giả. Tức đọa biên kiến.

Các người Trời! Nếu cho là âm thanh có tới đi. Tức thì đọa xuống thấy đường biên.

一切諸佛不說斷常。除為眾生方便說法。

Nhất thiết chư Phật bất thuyết đoạn thường. Trừ vị chúng sinh Phương tiện thuyết Pháp.

Tất cả các Phật không nói cắt đứt thông thường.

Ngoại trừ vì chúng sinh Phương tiện nói Pháp.

諸天子!如我天聲。十方世界隨所應化皆悉得聞。

Chư Thiên Tử! Như Ngã Thiên thanh. Thập phương Thế giới tùy sở ứng hóa, giai tất đắc văn.

Các người Trời! Như âm thanh trên Trời của Ta. Thế giới 10 phương thuận theo cần giáo hóa, hết thấy đều được nghe.

一切諸佛亦復如是。隨應度者皆悉得見。諸天子!

Nhất thiết chư Phật diệc phục như thị. Tùy ứng độ giả, giai tất đắc kiến. Chư Thiên Tử!

Tất cả các Phật cũng lại như thế. Thuận theo cần độ thoát, hết thấy đều được thấy. Các người Trời!

譬如明淨錠光金玻瓈鏡。與十世界等。

Thí như minh tịnh đĩnh quang kim pha lê kính. Dĩ thập Thế giới đẳng.

Ví như kính pha lê ánh sáng vàng của thỏi vàng sáng sạch. Cùng với 10 loại Thế giới.

於彼鏡中見無量刹。一切山川, 一切眾生, 地獄, 餓鬼。

Ư bỉ kính trung kiến vô lượng Sát. Nhất thiết sơn xuyên, nhất thiết chúng sinh, Địa ngục, Ngạ quỷ.

Ở trong kính này thấy vô lượng Nước Phật. Tất cả núi đồng, tất cả chúng sinh, Địa ngục, Quỷ đói.

若好, 若醜。形類若干悉於中現。諸天子! 於意云何?

Nhược hảo, nhược xú. Hình loại nhược can tất ư trung hiện. Chư Thiên Tử! Ư ý vân hà?

Hoặc tốt hay xấu. Hình loại rất nhiều đều hiện ở trong đó. Các người Trời! Ý đó ra sao?

彼諸影像來入鏡不? 答言: 不也! 諸天子!

Bỉ chư ảnh tượng lai nhập kính bất? Đáp ngôn: Bất dã! Chư Thiên Tử!

Các ảnh tượng đó tới nhập vào gương phải không?

Trả lời nói rằng: Không phải vậy. Các người Trời!

一切業報亦復如是。無來去處而能出生善根果報。

Nhất thiết Nghiệp báo diệc phục như thị. Vô lai khứ xử nhi năng xuất sinh thiện Căn quả báo.

Tất cả Nghiệp báo cũng lại như thế. Không đi đến nơi mà có thể sinh ra quả báo Căn thiện.

譬如幻師能幻人目。當知諸業亦復如是。

Thí như huyễn sư năng huyễn nhân mục. Đương tri chư Nghiệp diệc phục như thị.

Ví như nhà ảo thuật có thể ảo hóa mắt người. Cần biết các Nghiệp cũng lại như thế.

若如是知。是名清淨真實悔過。說是法時。

Nhược như thị tri. Thị danh Thanh tịnh chân thực hối quá. Thuyết thị Pháp thời.

Nếu biết như thế. Tên là Thanh tịnh sám hối tội cũ chân thực. Khi nói Pháp đó.

百千萬億那由他佛刹微塵數諸世界中兜率天子。

Bách thiên vạn ức Na do tha Phật sát vi trần số chư Thế giới trung Đâu Suất Thiên Tử.

Người Trời cung Đâu Suất trong các Thế giới bằng số bụi trần của trăm nghìn vạn trăm triệu Na do tha Nước Phật.

皆得無生法忍。

無量無邊不可思議阿僧祇欲界諸天子。

Giai đắc Vô sinh Pháp nhẫn. Vô lượng vô biên bất khả tư nghị A tăng kì Dục giới chư Thiên Tử.

Đều được Pháp nhẫn Không sinh. Các người Trời của vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn A tăng kì Cõi Dục.

皆發阿耨多羅三藐三菩提心。六欲天中一切天女皆捨女身。

Giai phát A nậu Đa La Tam miệu tam Bồ Đề tâm. Lục dục Thiên trung nhất thiết Thiên nữ giai xả nữ thân.

Đều phát tâm A nậu Đa La Tam miệu tam Bồ Đề. Tất cả cô gái Trời trong 6 Trời Cõi Dục, đều bỏ thân nữ.

悉爲男子。得不退轉菩提之心。

Tất vi nam tử. Đắc Bất thoái chuyển Bồ Đề chi tâm.
Đều là người nam. Được tâm Bồ Đề Không chuyển
lui.

爾時諸天子廣聞普賢迴向善根。悉得十地。

Nhĩ thời chư Thiên Tử quảng văn Phổ Hiền hồi hướng
thiện Căn. Tất đắc Thập Địa.

Khi đó các người Trời rộng nghe hồi hướng Căn thiện
của Phổ Hiền. Đều được 10 Bậc.

諸力莊嚴。具足三昧。

Chư lực trang nghiêm. Cụ túc Tam muội.

Các lực trang nghiêm. Đầy đủ Tam muội.

皆悉成就眾生界等善身, 口, 意業。滅一切障。

Giai tất thành tựu chúng sinh giới đẳng thiện Thân
khẩu ý Nghiệp. Diệt nhất thiết chướng.

Hết thấy đều thành công Cõi chúng sinh cùng với
Nghiệp Thân miệng ý thiện. Diệt mất tất cả chướng
ngại.

皆得清淨。見百千萬億那由他佛刹微塵數七寶蓮華
。

Giai đắc Thanh tịnh. Kiến bách thiên vạn ức Na do
tha Phật sát vi trần số thất bảo Liên hoa.

Đều được Thanh tịnh. Thấy hoa Sen bảy báu bằng số
bụi trần của trăm nghìn vạn trăm triệu Na do tha
Nước Phật.

一一華上皆見菩薩結跏趺坐。放大光明。

Nhất nhất hoa thượng giai kiến Bồ Tát Kết già phu
tọa. Phóng đại Quang minh.

Trên mỗi một hoa đều thấy Bồ Tát ngồi xếp bằng Kết
già. Phóng Quang sáng lớn.

彼諸菩薩一一隨形好中。放眾生界等光明。

Bỉ chư Bồ Tát nhất nhất tùy hình hảo trung. Phóng
chúng sinh giới đẳng Quang minh.

Các Bồ Tát đó trong mỗi một hình mạo đẹp. Phóng ra
Cõi chúng sinh cùng với Quang sáng.

彼光明中見眾生界等諸佛。結跏趺坐。

Bỉ Quang minh trung kiến chúng sinh giới đẳng chư
Phật. Kết già phu tọa.

Trong Quang sáng đó thấy Cõi chúng sinh cùng với
các Phật. Ngồi xếp bằng Kết già.

隨所應度而為說法。猶未能見離垢三昧之少分也。

Tùy sở ứng độ nhi vị thuyết Pháp. Do vị năng kiến Ly
cấu Tam muội chi thiếu phần dã.

Thuận theo cần độ thoát mà vì nói Pháp. Do chưa có
thể thấy phần nhỏ của Tam muội rời bản vậy.

爾時諸天子於一一毛孔。化作眾生界等妙香華雲。

Nhĩ thời chư Thiên Tử ư nhất nhất mao khổng. Hóa
tác chúng sinh giới đẳng diệu hương hoa vân.

Khi đó các người Trời ở trong mỗi một lỗ chân lông.
Biến ra làm thành mây hoa hương vi diệu của các Cõi
chúng sinh.

供養盧舍那佛。散香華已。一一華中見諸如來。

Cúng dường Lô Xá Na Phật. Tán hương hoa dĩ. Nhất
nhất hoa trung kiến chư Như Lai.

Cúng dường Lô Xá Na Phật. Rắc hương hoa xong.

Thấy các Như Lai ở trong mỗi một hoa.

時彼香雲普熏無量佛刹微塵數世界眾生。

Thời bử hương vân phổ huân vô lượng Phật sát vi trần
số Thế giới chúng sinh.

Thời mây hương đó xông thơm khắp chúng sinh Thế
giới bằng số bụi trần của vô lượng Nước Phật.

其蒙香者。身心快樂。譬如比丘入第四禪。

Kỳ蒙 hương giả. Thân tâm khoái lạc. Thí như Tì
Kheo nhập đệ tứ Thiền.

Người được hương đó. Thân tâm vui sướng. Ví như
Tì Kheo nhập vào Thiền bậc thứ 4.

若有眾生得聞此香。諸罪業障皆悉除滅。

Nhược hữu chúng sinh đắc văn thử hương. Chư tội
Nghiệp chướng giai tất trừ diệt.

Nếu có chúng sinh được ngửi hương này. Các tội
Nghiệp chướng ngại hết thảy đều trừ diệt.

於色, 聲, 香, 味,

觸內有五百煩惱。其外亦有五百煩惱,

Ư Sắc Thanh Hương Vị Xúc nội hữu ngũ bách Phiền
não. Kỳ ngoại diệc hữu ngũ bách Phiền não,

Với Sắc Thanh Hương Vị Xúc bên trong có 500 Phiền
não. Bên ngoài cũng có 500 Phiền não,

二萬一千欲行煩惱, 二萬一千恚行煩惱,

nhị vạn nhất thiên dục hành Phiền não, nhị vạn nhất
thiên khể hành Phiền não,

hai vạn 1 nghìn tham muốn làm Phiền não, hai vạn 1
nghìn thù giận làm Phiền não,

二萬一千癡行煩惱, 二萬一千等行煩惱。

nhị vạn nhất thiên si hành Phiền não, nhị vạn nhất
thiên đẳng hành Phiền não.

hai vạn 1 nghìn ngu si làm Phiền não, hai vạn 1 nghìn
loại cùng làm Phiền não.

此諸煩惱皆悉除滅。

Thử chư Phiền não giai tất trừ diệt.

Các Phiền não này hết thảy đều trừ diệt.

彼諸眾生具足種種淨香自在光明善根。

Bỉ chư chúng sinh cụ túc chủng chủng tịnh hương Tự
tại Quang minh thiện Căn.

Các chúng sinh đó đầy đủ các loại hương Thanh tịnh
Căn thiện Quang sáng Tự do.

若有眾生見此蓋雲者。

Nhược hữu chúng sinh kiến thử cái vân giả.

Nếu có chúng sinh thấy mây che này.

彼諸眾生種一恆沙轉輪聖王所植善根。

Bỉ chư chúng sinh chúng nhất Hằng sa Chuyển luân Thánh Vương sở thực thiện Căn.

Các chúng sinh đó trồng được một Hằng sa Căn thiện của Vua Thánh Chuyển luân.

所謂白淨寶網轉輪王等。

Sở vị Bạch Tịnh Bảo Võng Chuyển luân Vương đẳng.

Gọi là các Bạch Tịnh Bảo Võng Vua Chuyển luân.

菩薩摩訶薩安住如是轉輪王處。

Bồ Tát Ma ha tát an trụ như thị Chuyển luân Vương xứ.

Bồ Tát Bồ Tát lớn yên ở nơi của Vua Chuyển luân như thế.

於百千億那由他佛刹微塵數諸世界中。教化眾生。

Ư bách thiên ức Na do tha Phật sát vi trần số chư Thế giới trung. Giáo hóa chúng sinh.

Ở trong các Thế giới bằng số bụi trần của trăm nghìn vạn trăm triệu Na do tha Nước Phật. Giáo hóa chúng sinh.

譬如明鏡世界月王如來。十方無量刹中。

Thí như Minh Kính Thế giới Nguyệt Vương Như Lai.
Thập phương vô lượng Sát trung.

Ví như Nguyệt Vương Như Lai ở Minh Kính Thế giới.
Trong vô lượng Nước Phật 10 phương.

比丘, 比丘尼, 優婆塞, 優婆夷。

Tì Kheo, Tì Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di.

Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử.

無有乃至一念不作化身來詣佛所而聽法者。

Vô hữu nãi chí nhất niệm bất tác hóa thân lai nghê
Phật sở nhi thính Pháp giả.

Không có thậm chí một nghĩ nhớ không làm thân biến
hóa đi tới nơi ở của Phật mà nghe Pháp.

彼佛常爲廣說經法。乃至廣爲說本生經。

Bỉ Phật thường vị quảng thuyết Kinh Pháp. Nãi chí
quảng vị thuyết Bản sinh Kinh.

Phật đó thường vì nói rộng Kinh Pháp. Thậm chí rộng
vì nói Kinh Sinh trước kia.

聞彼佛名。命終之後皆生其國。

Văn bỉ Phật danh mệnh chung chi hậu giai sinh kỳ
quốc.

Nghe tên Phật đó sau khi bỏ mệnh đều sinh Nước của
Phật đó.

菩薩摩訶薩安住白淨寶網轉輪王處。亦復如是。

Bồ Tát Ma ha tát an trụ Bạch tịnh bảo võng Chuyển luân Vương xứ. Diệc phục như thị.

Bồ Tát Bồ Tát lớn yên ở nơi của Bạch Tịnh Bảo Võng Vua Chuyển luân. Cũng lại như thế.

放曼陀羅自在光明。若有眾生遇斯光者。

Phóng Mạn đà la Tụ tại Quang minh. Nhược hữu chúng sinh ngộ tư quang giả.

Phóng Quang sáng Tụ do Mạn đà la. Nếu có chúng sinh gặp ánh quang này.

皆得菩薩十地。當知此等眾生。悉是先世修善根力。

Giai đắc Bồ Tát thập Địa. Đương tri thử đẳng chúng sinh. Tất thị tiên thế tu thiện Căn lực.

Đều được 10 Bậc Bồ Tát. Nên biết chúng sinh loại này. Đều là đời trước tu lực Căn thiện.

如得初禪。雖未命終見梵天處得梵天樂。

Như đắc sơ Thiền. Tuy vị mệnh chung kiến Phạm Thiên xứ đắc Phạm Thiên lạc.

Như được Thiền bậc đầu. Tuy chưa bỏ mệnh thấy nơi Trời Phạm được vui sướng của Trời Phạm.

如是次第得諸禪者。雖未命終而得彼樂。

Như thị thứ đệ đắc chư Thiền giả. Tuy vị mệnh chung nhi đắc bỉ lạc.

Như thế lần lượt được các Thiên. Tuy chưa bỏ mệnh mà được vui sướng đó.

如是菩薩摩訶薩安住白淨寶網轉輪王處。

Như thị Bồ Tát Ma ha tát an trụ Bạch Tịnh Bảo Võng Chuyển luân Vương xứ.

Bồ Tát Bồ Tát lớn yên ở nơi của Bạch Tịnh Bảo Võng Vua Chuyển luân như thế.

放大光明。名周羅摩尼。若有眾生遇斯光者。

Phóng đại Quang minh. Danh Châu la Ma ni. Nhược hữu chúng sinh ngộ tư quang giả.

Phóng Quang sáng lớn. Tên là Lưới vây Như ý. Nếu có chúng sinh gặp ánh quang đó.

皆得菩薩十地。悉得無量智慧光明。

Giai đắc Bồ Tát thập Địa. Tất đắc vô lượng Trí tuệ Quang minh.

Đều được 10 Bậc Bồ Tát. Đều được vô lượng Quang sáng Trí tuệ.

得十種眼清淨行業。乃至十種意清淨業。

Đắc thập chủng nhãn Thanh tịnh hạnh Nghiệp. Nãi chí thập chủng ý Thanh tịnh Nghiệp.

Được 10 loại Nghiệp hạnh Thanh tịnh của mắt. Thậm chí 10 loại Nghiệp Thanh tịnh của ý.

具足成就淨力三昧。如是成就清淨肉眼。

Cụ túc thành tựu tịnh lực Tam muội. Như thị thành tựu Thanh tịnh nhục nhãn.

Thành công đầy đủ Tam muội lực Thanh tịnh. Thành công mắt thịt Thanh tịnh như thế.

譬如菩薩摩訶薩以左手持億那由他佛刹微塵。

Thí như Bồ Tát Ma ha tát dĩ tả thủ trì ức Na do tha Phật sát vi trần.

Ví như Bồ Tát Bồ Tát lớn dùng tay trái giữ lấy bụi trần của trăm triệu Na do tha Nước Phật.

東行過億那由他佛刹微塵數世界。乃下一塵。

Đông hành quá ức Na do tha Phật sát vi trần số Thế giới. Nãi hạ nhất trần.

Đi tới phương Đông qua Thế giới bằng số bụi trần của trăm triệu Na do tha Nước Phật. Lại bỏ xuống một hạt bụi.

如是東行盡此微塵。如是菩薩摩訶薩悉能了知彼微塵數。

Như thị Đông hành tận thủ vi trần. Như thị Bồ Tát Ma ha tát tất năng liễu tri bỉ vi trần số.

Như thế đi tới phương Đông hết số bụi trần này. Bồ Tát Bồ Tát lớn đều có thể biết rõ số bụi trần đó như thế.

亦識諸塵本刹來處及下塵之刹。乃至十方亦復如是

。

Diệc thức chư trần bản Sát lai xử cập hạ trần chi Sát.
Nãi chí thập phương diệc phục như thị.

Cũng hiểu nơi tới của Nước vốn có các bụi trần và
Nước bỏ xuống bụi trần. Thậm chí 10 phương cũng lại
như thế.

菩薩摩訶薩復能還集此諸微塵作一佛刹。

Bồ Tát Ma ha tát phục năng hoàn tập thử chư vi trần
tác nhất Phật sát.

Bồ Tát Bồ Tát lớn lại có thể trở về tập hợp các bụi
trần này làm thành một Nước Phật.

於此佛刹亦分別知。佛告寶手菩薩言：於意云何？

Ư thử Phật sát diệc phân biệt tri. Phật cáo Bảo Thủ
Bồ Tát ngôn : Ư ý vân hà ?

Với Nước Phật này cũng phân biệt biết. Phật bảo Bảo
Thủ Bồ Tát nói rằng : Với ý này thế nào ?

如是佛刹廣大可思議不？寶手菩薩白佛言：世尊！

Như thị Phật sát quảng đại khả tư nghị phủ ? Bảo Thủ
Bồ Tát bạch Phật ngôn : Thế Tôn !

Như thế Nước Phật rộng lớn có thể nghĩ bàn được
không ? Bảo Thủ Bồ Tát báo cáo Phật nói rằng : Thế
Tôn !

如是佛刹無量無邊不可思議。世尊!奇哉!奇哉!若聞是
諭。

Như thị Phật sát vô lượng vô biên bất khả tư nghị.

Thế Tôn ! Kì tai ! Kì tai ! Nhược văn thị dụ.

Như thế Nước Phật vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Thế Tôn ! Lạ thay ! Lạ thay ! Nếu nghe ví dụ đó.

此人難得。聞而信者。亦復難得。佛告寶手菩薩言：

Thử nhân nan đắc. Văn nhi tín giả. Diệc phục nan đắc. Phật cáo Bảo Thủ Bồ Tát ngôn :

Người này khó được. Nghe mà tin tưởng. Cũng lại khó được. Phật bảo Bảo Thủ Bồ Tát nói rằng :

如是如是。若有善男子，

善女人。聞而信者。我授彼記。

Như thị như thị. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân. Văn nhi tín giả. Ngã thụ bỉ kí.

Như thế đúng như thế. Nếu có người nam thiện, người nữ thiện. Nghe mà tin tưởng. Ta ghi nhớ ban cho người đó.

速成阿耨多羅三藐三菩提。得一切種智。

Tốc thành A nậu Đa la Tam miệu tam Bồ đề. Đắc nhất thiết chủng Trí.

Nhanh thành A nậu Đa la Tam miệu tam Bồ Đề. Được tất cả các loại Trí tuệ.

佛告寶手菩薩言：譬如千億佛刹微塵數世界。

Phật cáo Bảo Thủ Bồ Tát ngôn : Thí như thiên ức Phật sát vi trần số Thế giới.

Phật bảo Bảo Thủ Bồ Tát nói rằng : Ví như Thế giới bằng số bụi trần của nghìn trăm triệu Nước Phật.

如上諭說。此一切剎末爲微塵。彼諸世界一一微塵

。

Như thượng dụ thuyết. Thủ nhất thiết Sát hạt vi trần. Bỉ chư Thế giới nhất nhất vi trần.

Nói ví dụ như ở trên. Tất cả Nước này vỡ vụn làm bụi trần. Mỗi một bụi trần của các Thế giới đó.

悉與一切佛剎微塵數等。

Tất dữ nhất thiết Phật sát vi trần số đẳng.

Đều cùng với các số bụi trần của tất cả Nước Phật.

菩薩摩訶薩取此微塵展轉更種。乃至八十。

Bồ Tát Ma ha tát thủ thủ vi trần triển chuyển cánh chủng. Nãi chí bát thập.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cầm lấy bụi trần này phát triển thành loại mới. Thậm chí 80.

彼一一微塵生果。悉與一切世界微塵數等。

Bỉ nhất nhất vi trần sinh quả. Tất dữ nhất thiết Thế giới vi trần số đẳng.

Mỗi một bụi trần đó sinh ra quả. Đều cùng với các số bụi trần của tất cả Thế giới.

菩薩摩訶薩業報清淨。肉眼悉分別見。亦於念念中

。

Bồ Tát Ma ha tát Nghiệp báo Thanh tịnh. Nhục nhãn tất phân biệt kiến. Diệc ư niệm niệm trung.

Nghiệp báo của Bồ Tát Bồ Tát lớn Thanh tịnh. Mắt thị đều phân biệt thấy. Cũng ở trong một nghĩ nhớ.
見百千萬億那由他佛刹微塵等如來。

Kiến bách thiên vạn ức Na do tha Phật sát vi trần đẳng Như Lai.

Thấy Như Lai bằng số bụi trần của trăm nghìn vạn trăm triệu Na do tha Nước Phật.

佛告寶手菩薩言：譬如錠光玻瓈珠。

Phật cáo Bảo Thủ Bồ Tát ngôn : Thí như đỉnh quang pha lê châu.

Phật bảo Bảo Thủ Bồ Tát nói rằng : Ví như châu pha lê chiếu sáng thỏi vàng.

照十佛刹微塵等世界。

Chiếu thập Phật sát vi trần đẳng Thế giới.

Chiếu sáng Thế giới bằng số bụi trần của 10 Nước Phật.

此珠白淨寶網轉輪聖王善根所成。

Thử châu Bạch Tịnh Bảo Võng Chuyển luân Thánh Vương thiện Căn sở thành.

Châu này được hình thành do Căn thiện của Bạch Tịnh Bảo Võng Vua Chuyển luân.

大方廣佛華嚴經卷第三十二

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh quyển đệ tam thập nhị.

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật quyển thứ 32.

=====
=====
=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

Nguyên Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyên Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huề dịch tiếng Việt 3/2013.

=====
=====
=====